PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Phụ lục 2
DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 383 + 384)

A. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty cổ phần thuốc thú y TW I (Vinavetco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Stimulant 200	Vitamin, Acid amin, Men	Gói	50, 100, 500g	Kích thích tăng trọng	TWI-X3-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Enzymbiosub	Men tiêu hóa	Gói	5, 50, 100, 500g	Kích thích tiêu hóa, ổn định hệ vi sinh vật đường ruột, tiêu chảy	TWI-X3-164
3	Vina - spray	Fipronil	Lọ	50; 100; 300; 500ml	Phòng và trị bọ chét, ve	TWI-X3-214
4	Zn-Vinavet	Zn gluconat	Gói	20g, 50g, 100g	Bổ sung kẽm, chống viêm da, kích thích sinh sản, chống xù lông	TWI-X3-180
5	Vinadin	PVP Iodine	Lọ Can	100; 250; 500ml 2; 5; 10; 20; 30 lít	Diệt các loại virus, vi khuẩn, nấm gây bệnh, Mycoplasma	TWI-X3-190
6	B.K.Vet	Glutaraldehyde; Benzal- konium chloride	Lọ Can	100; 250; 500ml 2; 5; 10; 20; 30 lít	Thuốc sát trùng, có tác dụng tiêu diệt các loại virus, vi khuẩn, nấm, Mycoplasma	TWI-X3-191
7	Cồn Methyl salicilat	Methyl salicilat	Lọ	50ml	Giảm đau tại chỗ, trị giãn dây chằng, đau gân, đau khớp, bệnh ghẻ ong	TWI-X3-12
8	Vina-rost	Cloprostenol sodium	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chữa lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục, động dục ẩn	TWI-X3-204
9	Progesteron	Progesteron	Ống	2; 5; 10; 20ml	Làm giảm co bóp và ổn định tử cung, an thai. Chữa vô sinh, chứng cuồng dục	TWI-X3-205
10	Oxytocin	Oxytocin	Ống	20UI	Kích sữa, tăng co bóp dạ con, kích đẻ	TWI-X3-175
11	Calcium fort	Calci gluconate	Ống, lọ	5ml 50, 100, 500ml	Trị bại liệt, hạ canxi huyết, còi xương, co giật	TWI-X3-47
12	Nước cất	Nước cất 2 lần	Ống	5ml	Dùng để pha tiêm	TWI-X3-65
13	Mg-calcium fort	Magie clorid, Calci gluconat	Lọ	50, 100ml	Trị bại liệt, co giật, còi xương, táo bón, viêm khớp, sốt sữa	TWI-X3-147

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Dung môi pha tiêm	Anpha propandial 1, 2, Anphahydroxytoluen	Lọ	100, 500ml	Pha thuốc tiêm	TWI-X3-165
15	Nước sinh lý 0,9%	Natri clorid	Lọ	100ml	Pha vaccin	TWI-X3-176

2. Công ty cổ phần dược và vật tư thú y (Hanvet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn Iod 2%	Iod	Chai	50ml	Thuốc sát trùng ngoài da	TW-X_2-19
2	Cồn methylsalysilat 5%	Methyl salysilat	Chai	50ml	Cồn xoa bóp	TW-X_2-20
3	Oxytocin	Oxytocin	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc thúc đẻ, tiết sữa	TW-X_2-45
4	Calcium-F	Calcium gluconate	Ống; lọ	5ml; 100ml	Phòng và chữa các bệnh do thiếu Ca, liệt quỵ. Trợ tim, bồi bổ sức khỏe	TW-X_2-46
5	Oestradiol	Oestradiol benzoate	Ống; lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hormon sinh dục cái	TW-X_2-49
6	Gona-estrol®	Chorionic Gonadotropin, Oestradiol	Lọ; ống	4; 8ml	Điều tiết sinh sản, gây động dục	TW-X_2-58
7	Natri Chloride đẳng trương 0,9%	Natri chloride	Ống, lọ	1; 20; 100ml	Chống mất nước, dung môi pha thuốc tiêm	TW-X_2-64
8	Calmaphos®plus	Calcium gluconate, Calci hypophosphite, Magnesium	Ống; lọ	5ml; 100ml	Phòng và chữa các bệnh do thiếu Ca, Mg gây liệt, quỵ	TW-X_2-79
9	Hanvet-K.T.G.® (Kháng thể Gumboro)	Kháng thể Gumboro	Chai	50ml, 100ml	Trị bệnh Gumboro. Nâng cao sức đề kháng không đặc hiệu cho gà	TW-X_2-93

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	Hantox-spray	Pyrethroid	Chai, bình	50, 100, 300ml, 1 lít	Thuốc phun diệt ngoại ký sinh trùng	TW-X_2-109
11	Magnesi sulfate 25%	Magnesi sulfate	Ống; chai, lọ	5ml; 50ml, 100ml	Nhuận tràng, tẩy rửa ruột, chữa táo bón, kích thích tiết mật	TW-X_2-113
12	Hantox-shampoo	Pyrethroid	Chai, bình	200ml, 300ml, 1 lít	Nhũ dịch tắm diệt ngoại ký sinh	TW-X_2-110
13	Hanmid	Chloramin-T	Gói	50; 100; 500g; 1; 5; 25kg	Thuốc tẩy trùng	TW-X_2-117
14	Han-iodine	Polyvidone iodine	Chai, can	50, 1000ml; 3 lít	Thuốc sát trùng	TW-X_2-126
15	Hanvet-K.T.V.® (Kháng thể VGSVT vịt, ngan)	Kháng thể viêm gan siêu vi trùng vịt, ngan	Chai	50ml, 100ml	Chữa viêm gan SVT vịt, ngan; bệnh dịch tả vịt ngan. Nâng cao sức đề kháng không đặc hiệu cho cơ thể	TW-X_2-129
16	Han-Prost®	Cloprostenol sodium (Prostagladin F2a)	Ống; lọ	2; 5; 10; 20ml	Chữa lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục, động dục ẩn	TW-X2-138
17	Han-Lacvet	Lactobacillus acidophilus	Túi	4, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Phòng, trị bệnh đường ruột, tăng sức đề kháng cho gia súc	TW-X2-146
18	Hanvet K.T.E® Hi	Kháng thể E.coli	Lọ nhựa	20; 50; 100ml	Phòng, trị tiêu chảy và sưng phù đầu do E.coli cho lợn	TW-X2-150
19	Oxidan - TCA	Trichloriocyanuric	Túi, hộp, lon	100; 500; 1000g	Sát trùng, tẩy uế chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, môi trường	TW-X_2-151
20	Progesteron	Progesteron, Vitamin E	Lọ, ống	2; 5; 10ml, 20, 50ml	Gây động dục hàng loạt, ổn định tử cung, an thai	TW-X_2-149
21	Cồn sát trùng 70°	Ethanol	Chai, lọ	100; 500ml; 1l	Sát trùng ngoài da, vết thương	TW-X2-163
22	Iodcid	Iode, Sulphuric acid, Phosphoric acid	Chai, lọ	100; 500ml; 1l; 5l	Tiêu độc chuồng trại	TW-X2-171

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
23	Glucose 10%	Glucose (monohydrate)	Chai	100, 250, 500ml	Trị hạ đường huyết, keton/ acetone huyết, quỵ, liệt sau đẻ, sau phẫu thuật, tổn thương gan do ngộ độc trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	TW-X2-174
24	Glucose 20%	Glucose (monohydrate)	Chai	100, 250, 500ml	Trị hạ đường huyết, keton/ acetone huyết, quỵ, liệt sau đẻ trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	TW-X2-175
25	Fip-Tox Spray	Fipronil	Lọ, chai	100, 250, 500ml	Diệt, phòng bọ chét và ve ở chó, mèo, thú cảnh	TW-X2-176
26	Hantox-200	Deltamethrin	Chai	50; 100ml; 1; 5 lít	Trị ngoại ký sinh trùng	TW-X2-178
27	Hankon WS	Kali monopersulphate, Acid sulfamic, Acid malic, Dodecylbenzen sulfonate	Gói	20; 50; 100g; 1; 5kg	Sát trùng nước, không khí, sát trùng da, trang thiết bị, dụng cụ	TW-X2-183
28	Han-Goodway	Sodium, Postassium, Amylase, Protease, Vit C, Lactobacillus, enterococcus	Gói	20; 50; 100g; 1; 5kg	Cân bằng hấp thu muối	TW-X2-184
29	Mỡ Kẽm Oxyd	Kẽm oxyd, Rivanol, Acid saliculic	Hộp, tuýp	25; 50; 100; 500g; 1kg	Chữa viêm da, lở loét, ghẻ, vết thương, mụn nhọt	TW-X2-185
30	Hanvet Tobacoli	Kháng nguyên E.coli	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh tiêu chảy và sưng phù đầu do E.coli gây ra trên lợn con	TW-X2-193

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
31	Gona-Oestradiol 2	Chorionic gonadotropin, Oestradiol benzoate	Ống, chai	4,8; 10; 20; 50ml	Kích thích động dục, tăng khả năng thụ thai, chữa rối loạn chu kỳ động dục	TW-X2-197
32	Gonadorelin	Gonadorelin acetate	Ống, chai	2,5; 20ml	Trị u nang buồng trứng, gây động dục	TW-X2-198

3. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y Diễm Uyên (Huphavet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn salicylat methyl 10%	Salicylat methyl	Lọ	50ml	Xoa bóp, giảm đau	UHN-2
2	Bại liệt gà, vịt, ngan, ngỗng	Can xi (Ca), Phốtpho (P)	Gói	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin, vi lượng	UHN-33
3	Bại liệt gia súc	Calci gluconat, $MgCO_3$, Fe, Zn, Mn, Cu	Gói	5; 10; 20; 50g	Bổ sung canxi, phốt pho, vitamin	UHN-57
4	Hupha-Bacteriolact	Bacillus subtilis, Sacharomyces ceravisiae, Aspegillus oryzae, Vit A, D_3, E	Gói	10; 20; 50; 100g	Phòng chống ỉa chảy trên bê con, gà con, lợn con, ngựa con	UHN-80
5	Hupha-PVP-Iodin 10%	PVP iodin, Glycerin	Lọ, can	100; 200; 500ml; 1; 5; 10; 20l	Tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, rửa vết thương	UHN-83
6	Calci-Mg-glutamat	Ca, Mg, acid glutamic	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-66
7	Calci-Mg-B_{12}	Ca, Mg, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-67

4. Công ty TNHH thuốc thú y Phavetco

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn salicilat Methyl 10%	Cồn salicilat methyl	Lọ	50ml	Chống viêm	HCN-10
2	Xanh methylen 1%	Xanh methylen	Lọ	50ml	Chống nhiễm trùng	HCN-11
3	Điện giải PO-SO-MIX	NaCl, KCl, glucose, Vitamin	Gói	100g	Chống mất nước, cân bằng điện giải	HCN-23
4	Extopa	Pyrethroid	Lọ Bình	10; 50; 100; 200; 300; 450; 600ml	Trị ký sinh trùng ngoài da	HCN-26

5. Công ty cổ phần thuốc thú y Trung ương 5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Five-Iodin	PVP iodine	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	TW5-3
2	Five-Kẽm	Zn- Gluconate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Chống bại liệt, nâng cao sức đề kháng, chống sừng hóa, nứt da tạo vẩy trên gia súc, gia cầm	TW5-44
3	Five-Magie	$MgSO_4$	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Chống táo bón, nhuận tràng trên gia súc	TW5-45
4	Five-Canci.B	Canxi gluconat	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Chống bại liệt, còi xương, co giật	TW5-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Five-Prost	Cloprostenol	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn chức năng buồng trứng, lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục	TW5-108
6	Five-Oxytocin	Oxytocin	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kích đẻ, tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	TW5-111

6. Công ty cổ phần thuốc thú y Việt Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Via-iodine	Povidone iodine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Thuốc sát khuẩn, chống nấm, sát trùng chuồng trại	VA-17
2	Via-Electral	Sodium hydrocarbonat Sodium clorid Potassium clorid	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng, trị các chứng thiếu hụt, mất cân bằng các chất điện giải	VA-22
3	Viatox-Shampoo	Deltamethrine, Methylparaben, Propyl paraben, Acid benzoic	Túi, lọ	10; 15; 25; 40; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị ve, ghẻ, bọ chét trên chó	VA-53
4	Via.Calma Fort	Ca. gluconat Magie clorua	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị các chứng thiếu Canxi và Magie do rối loạn trao đổi chất	VA-28
5	Via.prost	Cloprostenol (sodium)	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên bò, lợn	VA-92
6	Az.oxytocin	Oxytocin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 lit	Giảm đau trong quá trình chuyển dạ, không tiết sữa ở lợn nái, mất trương lực tử cung, sót nhau thai, băng huyết sau sinh, sa tử cung...	VA-100

7. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược thú y Nasa

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	NN-Iodine	Povidone Iodine, Glycerine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Thuốc sát trùng	NN-19

8. Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nhuận tràng - thông mật (chống táo bón)	$MgSO_4$	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250g	Nhuận tràng, thông mật, kích thích tiêu hóa, giải độc, …	VTY-X-33
2	Cồn Methyl Salysilat (5%; 10%)	Methyl Salysilat	Lọ	50ml	Giảm đau, chống viêm, bong gân, chống thấp khớp	VTY-X-19
3	Cồn iode 2%	Iode	Lọ	50ml	Sát trùng ngoài da, vết mổ, vết thương, niêm mạc, …	VTY-X-28
4	Vacxin tụ huyết trùng gia cầm keo phèn	Vi khuẩn tụ huyết trùng gia cầm, chủng N41	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng gà, vịt, ngan, ngỗng	VTY-X-39
5	Vacxin tụ huyết trùng trâu bò nhũ hóa	Vi khuẩn tụ huyết trùng trâu bò, chủng IR; P52	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	VTY-X-40
6	Vacxin tụ huyết trùng dê	Vi khuẩn tụ huyết trùng phân lập từ dê	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng dê	VTY-X-41
7	Vacxin E.coli phòng bệnh phù đầu lợn	Vi khuẩn E.coli dung huyết, chủng E_1, E_2, E_3, E_4, E_5	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng bệnh phù đầu lợn	VTY-X-42
8	Vacxin Lasota chịu nhiệt	Chủng virus Lasota	Lọ	5; 10; 20ml	Phòng bệnh Newcastle	VTY-X-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	VTY-Lugo Iode 3%	Iode, Ioduakali	Lọ	50; 100; 250; 500ml; 1l	Sát trùng, diệt trùng và chống viêm	VTY-X-44
10	VTY-Chloramin T	Chloramin T	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Thuốc sát trùng, tiêu độc dùng trong chăn nuôi, thú y	VTY-X-45
11	VTY-Iodine 10%	P.V.P iodine	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng ngoài da	VTY-X-48
12	Vacxin tụ huyết trùng gia cầm nhũ hóa	Vi khuẩn tụ huyết trùng gia cầm, chủng N41	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng gà, vịt, ngan, ngỗng	VTY-X-50
13	Vacxin tụ huyết trùng trâu bò keo phèn	Vi khuẩn tụ huyết trùng trâu bò, chủng IR; P52	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	VTY-X-51

9. Công ty cổ phần Hải Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Anolit	NaCL, HOCL, NaOCL, CL_2, O_3	Chai, can, thùng	500ml; 1; 3; 5l	Khử trùng nước, bề mặt dụng cụ thiết bị chăn nuôi, khử trùng không khí	HN-38
2	Waterchlo	NaCl, NaOCl	Can, bình	1; 2; 5l	Khử trùng nước, môi trường chăn nuôi	HN-45

10. Công ty TNHH thuốc thú y miền Bắc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	PVP-Iodine	PVP iodine	Lọ, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng ngoài da	MB-31
2	N-Oresol	Natri Clorua, Kali clorua Na.bicacbonat, Glucose	Gói	27,5g	Dùng khi cơ thể mất nước (do ỉa chảy) mất máu, suy nhược	MB-36

11. Trung tâm công nghệ sinh học Đông Nam Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Kích dục tố	Gravohormon	Lọ	14ml	Kích thích sinh sản	TW-XI-63

12. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (Pharmavet co)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cloramin T	Chloramin T	Túi	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Thuốc sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	PHAR-43
2	Pharmalox	$MgSO_4$, Na_2SO_4	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị chướng bụng, táo bón trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo.	PHAR-60
3	Phartocin	Oxytocin	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị liệt dạ con, sót nhau, thúc đẻ	PHAR-53
4	PharCalci-F	Calcigluconat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt	PHAR-19
5	PharCalci-C	Calcigluconat, Vit C	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Ca, vit C, tăng sức đề kháng	PHAR-20
6	PharCalci-B_{12}	Calcigluconat Vit B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt, giải độc	PHAR-21
7	Calci-Mg-B_6	Calcigluconat, Vit B_6 Magnesi chlorid;	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt, giải độc, táo bón	PHAR-22
8	Ringer-Pharm	Natri clorid, Kali clorid, Calci clorid dihydrat, Natri lactat	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn cân bằng điện giải trên trâu, bò, heo, dê, cừu, thỏ, chó, mèo	PHAR-71
9	Phar-F.B 1080	Sắt (Dextran), Vitamin B_{12}, Phenol	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt trên bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PHAR-72
10	F2-Propharm	Cloprostenol	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên lợn nái	PHAR-95

13. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Đóng dấu lợn nhược độc	Vi khuẩn đóng dấu lợn nhược độc	Lọ	10; 15; 20; 25 liều	Phòng bệnh đóng dấu lợn	TW-XI-1
2	Đóng dấu lợn vô hoạt	Vi khuẩn đóng dấu lợn	Lọ	50 liều	Phòng bệnh đóng dấu lợn	TW-XI-2
3	Tụ dấu lợn nhược độc	Vi khuẩn đóng dấu, THT lợn nhược độc	Lọ	5; 10; 15; 20; 50 liều	Phòng bệnh tụ dấu lợn	TW-XI-3
4	Tụ huyết trùng lợn vô hoạt	Vi khuẩn tụ huyết trùng lợn vô hoạt	Lọ	5; 10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng lợn	TW-XI-4
5	Phó thương hàn lợn vô hoạt	Vi khuẩn phó thương hàn lợn vô hoạt	Lọ	5; 10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh phó thương hàn lợn	TW-XI-5
6	Leptospira	KN LT	Lọ	7; 10; 15; 20; 25 liều	Phòng bệnh lép tô	TW-XI-6
7	Ung khí thán vô hoạt	VK ung khí thán vô hoạt	Lọ	10 liều	Phòng bệnh ung khí thán	TW-XI-7
8	Tụ huyết trùng gia cầm vô hoạt	Vi khuẩn tụ huyết trùng gia cầm vô hoạt	Lọ	20; 40; 50; 100; 200 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng gia cầm	TW-XI-8
9	Nhiệt thán vô độc nha bào đông khô	Nha báo nhiệt thán vô hoạt	Lọ	10 liều	Phòng bệnh nhiệt thán	TW-XI-9
10	Dại cố định	Kháng nguyên dại	Lọ	1 liều	Phòng bệnh dại chó	TW-XI-11
11	Dịch tả lợn đông khô	Kháng nguyên DTL	Lọ	5; 10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	TW-XI-12
12	Dịch tả trâu bò đông khô	Kháng nguyên dịch tả trâu bò	Lọ	50 liều	Phòng bệnh dịch tả trâu bò	TW-XI-13
13	Dịch tả vịt đông khô	Kháng nguyên dịch tả vịt	Lọ	150; 500; 1000 liều	Phòng bệnh dịch tả vịt	TW-XI-14
14	Newcastle đông khô	Kháng nguyên Newcastle	Lọ	20; 40; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	TW-XI-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Lasota đông khô	Kháng nguyên Newcastle, chủng Lasota	Lọ	20; 50; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Lasota	TW-XI-16
16	Đậu gà tế bào đông khô	Kháng nguyên đậu gà	Lọ	50; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh đậu gà	TW-XI-17
17	Mỡ oxyt kẽm	Oxyt Zn	Lọ	100g	Trị các bệnh ngoài da do thiếu kẽm	TW-XI-31
18	Muối tiêu (sulf carolinfatitium)	Na_2SO_4 , $NaHCO_3$	Gói	50; 100g	Trị táo bón kích thích tiêu hóa	TW-XI-32
19	Afaron	Các loại khoáng	Gói	50; 100; 200g	Bổ sung các chất khoáng	TW-XI-52
20	Cồn sát trùng	Cồn	Lọ	20; 50; 100ml	Sát trùng da trước khi tiêm, dụng cụ	TW-XI-51
21	Lở mồm long móng	Kháng nguyên LMLM	Lọ	25 liều	Phòng bệnh lở mồm long móng	TW-XI-62
22	Nhiệt thán vô độc nha bào dạng lỏng	Kháng nguyên (nha bào) nhiệt thán	Lọ	10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh nhiệt thán	TW-XI-18
23	Gumboro tế bào đông khô	Kháng nguyên Gumboro	Lọ	50; 100; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	TW-XI-54
24	Tụ huyết trùng trâu bò vô hoạt	Kháng nguyên THT trâu bò	Lọ	10; 20 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu bò	TW-XI-55
25	Carre đông khô	Kháng nguyên Carre	Lọ	1; 5 liều	Phòng bệnh sài sốt chó	TW-XI-57
26	Vaccine Parvo	Kháng nguyên Parvo	Lọ	1; 10 liều	Phòng bệnh rối loạn sinh sản lợn	TW-XI-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
27	Phó thương hàn lợn con nhược độc	Kháng nguyên phó thương hàn	Lọ	10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh phó thương hàn lợn	TW-XI-59
28	Rabisin chia nhỏ liều của MERIAL Pháp	Kháng nguyên dại	Lọ	1; 10 liều	Phòng bệnh dại chó	TW-XI-61
29	Dại FLURY - Lép đông khô	Kháng nguyên dại FLURY	Lọ	1 liều	Phòng bệnh dại	TW-XI-56
30	Phó thương hàn lợn F	Chủng S_1, S_2	Lọ	10; 15; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh phó thương hàn	TW-XI-64
31	Phudin - C	Vitamin C, NaCl, KCl, natricitrat	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng, trị mất nước do tiêu chảy, cân bằng điện giải, phòng chống Stress	TW-XI-65
32	Dịch tả trâu bò	G.globiline đặc hiệu	Lọ	10 liều	Chữa bệnh dịch tả trâu bò	TW-XI-19
33	Đóng dấu lợn	G.globiline đặc hiệu	Lọ	10 liều	Chữa bệnh đóng dấu lợn	TW-XI-20
34	Tụ huyết trùng nhị giá	G.globiline đặc hiệu	Lọ	10 liều	Chữa bệnh tụ huyết trùng	TW-XI-21
35	Oxy già 3%	Oxy già	Lọ	20; 50; 100ml	Rửa vết thương	TW-XI-47
36	Cồn Salisilat Methyl 10%	Sali sulfat methyl	Lọ	20; 50; 100ml	Trị các bệnh tê thấp, bong gân, sưng	TW-XI-49
37	Subtilis	B. Subtilis	Lọ	500ml	Ổn định vi khuẩn đường ruột	TW-XI-53
38	Vắc xin viêm gan vịt nhược độc đông khô	Kháng nguyên vi rút nhược độc viêm gan vịt	Lọ	50; 100; 150; 500; 1000 liều	Phòng bệnh viêm gan truyền nhiễm vịt, ngan	TW-XI-82

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
39	Vắc xin vô hoạt xuất huyết truyền nhiễm thỏ	Kháng nguyên vi rút xuất huyết thỏ	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng bệnh xuất huyết truyền nhiễm do virut cho thỏ	TW-XI-83
40	Thuốc sát trùng PVI	Iodine	Chai	1l	Sát trùng da, vết thương; Tiêu độc, khử trùng chuồng trại, dụng cụ	TW-XI-84
41	Vắc xin vô hoạt đậu dê	Vi rút đậu dê vô hoạt	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh đậu dê	TW-XI-85
42	Dung dịch pha vắc xin đông khô	Mono sodium phosphate, Disodium hydrogen phosphate, Phenol red Sodium chloride	Lọ, hộp	7; 10; 17; 20; 25; 34; 40; 50; 70; 100; 200; 300; 500ml	Dung dịch pha vắc xin đông khô	TW-XI-90
43	Vetvaco-Iodine	Povidone Iodine	Chai	100; 200; 500ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương	TW-XI-91
44	Aftovax	Kháng nguyên LMLM đa type O, A, Asia1	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	TW-XI-92
45	Dịch tả vịt tế bào	Virus dịch tả vịt chủng C 10^3TCID_{50})	Hộp, lọ	50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh dịch tả vịt	TW-XI-93
46	Tụ huyết trùng trâu bò nhũ hóa	Pasteurella Multocida	Lọ	50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu bò	TW-XI-100
47	Aftovax mono O	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, dê và cừu	TW-XI-101

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
48	Aftovax Bivalent	Kháng nguyên LMLM type O, A	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, dê, cừu	TW-XI-102
49	Kháng thể Gum	Kháng thể gum hiệu giá VN ≥ 1/640	Hộp, lọ	10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500, 1.000 liều	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gia cầm	TW-XI-103
50	Vacxin tụ dấu lợn	Vi khuẩn nhược độc tụ huyết trùng lợn chủng AvPs3, đóng dấu lợn chủng VR2	Lọ	10; 20; 40; 50; 100 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng và đóng dấu lợn	TW-XI-104
51	Vacxin Vetva-IB	Virus nhược độc viêm phế quản truyền nhiễm chủng H120	Lọ	20; 40; 50; 100; 150; 200; 250; 500; 1000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	TW-XI-105

14. Công ty phát triển Công nghệ nông thôn (Rtd)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Antipara	Đồng, Sắt, Kẽm, Magie, Phốt pho, Ca, Vit A, C	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Phòng, trị bại liệt gia cầm như các chứng xốp xương, đau xương, nhuyễn xương,…	RTD-20
2	Lactovet	L-Lysine, Tế bào L.A, Vitamin và tá dược	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Giữ cân bằng hệ sinh vật đường ruột, phòng chống tiêu chảy, kích thích tiêu hóa	RTD-38
3	Xanh-me-thy-len	Xanh methylen	Chai	10, 20, 50, 100ml	Chữa bệnh viêm da toàn phần, mụn nhọt, lở loét, vết thương, nốt sần, đậu mùa, rộp	RTD-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	RTD-Sinh lý mặn	Natriclorid	Chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Pha kháng sinh, vắc xin, sát khuẩn, rửa vết thương, ổ viêm, các tế bào chết	RTD-67
5	RTD-Bonspray	Pyrethroid	Lọ, chai	50, 100, 200, 300, 500ml	Điều trị ngoại ký sinh trùng trên chó, mèo (Thú cảnh)	RTD-105
6	Kháng thể Gumboro	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gia cầm	RTD-106
7	Kháng thể Newcastle	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh Newcastle trên gia cầm	RTD-107
8	Kháng thể Newcastle + Gumboro	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh Gumboro và Newcastle gia cầm	RTD-108
9	Kháng thể dịch tả + viêm gan vịt	Kháng thể	Lọ, chai	20, 50, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Phòng và trị dịch tả vịt, viêm gan vịt, ngan	RTD-109
10	RTD-Iodine	Povidone iodine	Chai	100; 500ml; 1; 2; 3; 5; 10l	Sát trùng, chữa viêm tử cung	RTD-124
11	RTD-B.K.C	Benzalkonium chloride, Amylacetat	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, rửa vết thương	RTD-129
12	RTD-TC 01	Glutararaldehyde, Alkyl benzyl ammonium chloride	Chai, can	100ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, rửa vết thương, sát trùng dụng cụ phẫu thuật, máy ấp trứng,...	RTD-130
13	RTD-Bon Shampoo	Pyethroid	Chai, lọ	100; 200; 300; 500ml; 1lít	Diệt ngoại ký sinh trùng như ve, bọ chét, ghẻ, rận cho chó, mèo	RTD-131
14	RTD-Kháng thể E.coli	Kháng thể E.coli	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh phù đầu và tiêu chảy cho lợn	RTD-139

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	Iodophor	Iodine phosphoric acid, sulphuric acid	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25 lít	Sát trùng	RTD-155
16	D.E.P	Diethylphtalate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Sát khuẩn với tụ cầu trùng, liên cầu trùng Colibacteria, cầu ký trùng, trùng nguyên sinh	RTD-44
17	RTD - Iodine Plus	Iodine	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25 lít	Thuốc sát trùng	RTD-207

15. Công ty cổ phần Sóng Hồng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn Salisilat Methyl	Methylsalisilat	Lọ	50ml	Giảm đau, thuốc dùng ngoài	SH-1
2	Xanh Methylen	Xanh methylen (1%)	Lọ, chai	50ml	Chống nhiễm trùng ngoài da	SH-53
3	PVP.Iodin	Iodine	Lọ, can	50; 100; 200; 500ml; 1l 2; 5; 10; 20l	Tiêu độc, sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi	SH-77
4	B-Kacid	Glutaraldehyd Benzalkonium clorid	Lọ Can	50; 100; 200; 500ml 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, v.v	SH-109
5	Kháng thể Lepto-A	Kháng thể L.grippo-typhosa và L.ictero-haemorrhagiae	Lọ	2; 3; 5; 10ml	Phòng Lepto do L.grippotyphosa và L.icterohaemorrhagiae cho lợn, bò, dê, cừu, ngựa, chó	SH-120
6	Kháng thể Lepto-C	Kháng thể L.bataviae và L.canicola	Lọ	2; 3; 5; 10ml	Phòng bệnh Lepto do L.bataviae, và L.canicola cho lợn, bò, dê, cừu, ngựa, chó	SH-121

16. Công ty cổ phần dược phẩm Công nghệ cao

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Hitecx-KT-GUM	Kháng thể Gumboro	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh Gumboro	Hitech-10

17. Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BM-Methionin	Methionine	Gói	100; 200; 500g	Giải độc, tăng cường chức năng gan	BM-21
2	BM-Glucosa	Glucoza	Gói	100; 200; 500g	Cung cấp năng lượng, giải độc trong các trường hợp nhiễm độc	BM-22

18. Công ty CP Công nghệ sinh học thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BTV-Điện giải Gluco C	Sodium Clorid, Glucose, Postassium Clorid, Sodium Citrat	Túi	10; 20; 30; 50; 100g	Tăng cường sức đề kháng, cung cấp chất điện giải cho cơ thể, chống nóng, stress cho gia súc, gia cầm	BTV-16
2	BTV-Kháng thể E.Coli	Kháng thể E.coli	Lọ	50; 100ml	Phòng trị bệnh phù đầu, phân trắng, tiêu chảy trên lợn con	BTV-42
3	BTV- Kháng thể Newcastle-Gumboro	Kháng thể Newcastle, Gumboro	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị Newcastle, Gumboro trên gà	BTV-43
4	BTV-Iodine	Iodine-Polyvidine	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 2; 5l	Tiêu độc chuồng trại, sát trùng da, vết thương, rửa âm đạo, thụt rửa tử cung	BTV-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	BTV-Glutar	Glutaraldehyde; Alkylbenzyldimethyl ammonium chloride	Lọ, can	100ml; 1; 2; 3; 5; 10l	Tiêu độc chuồng trại, phương tiện vận chuyển, khử trùng máng ăn, máng uống, dụng cụ, sát trùng trực tiếp trên vật nuôi	BTV-46
6	BTV-Kháng thể dịch tả & viêm gan vịt	Kháng thể dịch tả, Kháng thể viêm gan	Lọ	50; 100ml	Phòng trị bệnh dịch tả, viêm gan vịt, ngan	BTV-62
7	BTV-Kháng thể E.coli & THT lợn	Kháng thể THT, Kháng thể E.coli	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng trị bệnh THT và E.coli trên lợn	BTV-63
8	BTV-Kháng thể E.coli	Kháng thể E.coli	Gói	10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Trị phù đầu, tiêu chảy, phân trắng lợn con; trị tiêu chảy, suy hô hấp trên gia cầm	BTV-64

19. Công ty TNHH thú y xanh Việt Nam (Greenvet Co., Ltd)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Deptol	Dietylphtalat	Lọ	50ml	Trị ghẻ gia súc	GRV-18
2	Puppy Ring	Dimpylate (Diazinon)	Vòng (hộp)	40cm (10 vòng)	Trị ve, rận, chó, mèo	GRV-23
3	Gonavac	Gonadotrophinum serum	Chai	500; 1000; 2000; 3000 UI	Trị vô sinh, rối loạn rụng trứng và gây động dục trên gia súc giống	GRV-44

20. Công ty TNHH Năm Thái

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Nước sinh lý	NaCL	Lọ, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Dung môi pha thuốc tiêm	NT-65

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	T. Clorost	Cloprostenol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa	NT-77
3	Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thúc đẻ, tăng co bóp dạ con, kích sữa	NT-79
4	Estradiol	Estradiol	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kích dục tố	NT-82
5	Progest	Progesteron, Vitamin E	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Các nguy cơ bị sảy thai, điều chỉnh chu kỳ động đực, chống rụng trứng giả	NT-84

21. Công ty cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sun-Oxytocin	Oxytocin	Ống, chai	2; 5; 20; 100ml	Tăng cường co bóp tử cung, kích thích đẻ, tiết sữa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SVT-36
2	Sun-Iodine	Povidone Iodine	Chai, lọ	10; 50; 100ml; 1; 5; 10 lít	Sát trùng vết thương, tẩy uế chuồng trại	SVT-37
3	SUN-Progesteron	Progesterone, Vitamin E	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Dưỡng thai, điều hòa quá trình sinh sản trên bò, ngựa và lợn nái	SVT-45
4	SUN-Estradiol	Estradiol benzoate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Ngăn chặn sự thụ thai không mong muốn trên chó cái	SVT-51
5	SVT-Antisep	Amino clorua didecyldimethyl; Amino clorua	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Khử trùng chuồng trại	SVT-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		dioctyldimethyl; Amino clorua octyldecyldimethyl; Amino clorua alkyldimethylbenzyl; Glutaraldehyde; Permethrine				

22. Công ty cổ phần Greenlab Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	I.F-100	P.V.P Iodin		100, 120, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20l	Sát trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, kho hàng, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi và dùng trong phẫu thuật	GRL-17
2	Good farm L	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 120, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20l	Sát trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, kho hàng, cơ sở giết mổ, dụng cụ và trang thiết bị chăn nuôi	GRL-18
3	Easy mark	Xanh Methylen	Chai, lọ, can	100, 120, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20l	Sát trùng ngoài da và vết thương	GRL-20

TỈNH HƯNG YÊN

23. Công ty cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Povidine - 10%	Povidine Iodin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Sát trùng vết thương, dụng cụ mổ, chuồng trại chăn nuôi	NGH-86
2	Methylen Blu	Methylen Blu	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml ; 1 lít	Sát trùng vết thương, vết lở loét	NGH-89

24. Công ty TNHH Nam Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Thuốc sát trùng	Phenol, Glutaraldehyd	Lọ	20; 100; 400; 500ml; 1000; 2000ml	Sát trùng	ND-18
2	Mỡ ghẻ	Diethyl phtalate, Vitamin E	Lọ	20; 30; 40; 50; 100; 250g	Thuốc mỡ trị ghẻ	ND-19
3	Điện giải	Muối Na, K, Ca, Mg, Vitamin C	Gói	20; 50; 100; 300; 500; 1000g	Cung cấp muối khoáng	ND-53
4	Thuốc sát trùng	Chloramine B; Benzalkonium	Lọ	10; 20; 50; 100; 400; 500ml	Sát trùng	ND-94
5	ND. Iodine	PVP. Iodine; Potasium Iodide	Lọ; bình xịt	50; 100; 400; 500; 1000; 2000ml	Sát trùng ngoài da, chuồng trại	ND-111
6	Dear Doket	Tinh dầu sả, Pơ mu, thông, tràm, Natri benzoat	Lọ	50; 80; 100; 200; 500; 1.000ml	Tắm cho chó	ND-148
7	Dear Cleanser	Tinh dầu hơng nhu, xá xị, sả, màng tang, pơ mu, thông, khuynh diệp, húng, quế, Sodium benzoat	Lọ	200; 300; 1000; 2000; 5000ml	Diệt ve, bọ chét, khử trùng chuồng trại	ND-150
8	Dear Newtab	Hoàng bá, phèn nhôm, $CuSO_4$	Túi	1kg	Viên đặt tử cung cho gia súc	ND-154
9	Bacillus Enzym	Bacillus subtilis, Lactobacillus spp, Streptococcus spp, Saccharomyces spp, Protease	Túi	3; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị rối loạn tiêu hóa, tăng sức đề kháng của cơ thể	ND-171

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	TD.Antiflu 1	Glyoxal, Glutaraldehyde, Formaldehyde, Alkyldimethyl benzylammonium chloride	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi, nguồn nước	ND-222
11	TD.Antiflu 2	Alkyldimethyl benzylammonium chloride, Dedeccyldimethylamonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi, nguồn nước	ND-223
12	TD.Percid	Peracetic, Hydrogen peroxide	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Tẩy uế và xử lý nguồn nước trong chăn nuôi	ND-225

TỈNH KHÁNH HÒA

25. Phân viện thú y miền Trung - Viện thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vacxin phó thương hàn lợn con	Chủng phó thương hàn lợn	Lọ	5, 10, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng bệnh phó thương hàn cho lợn	TW IV-1
2	Vacxin đậu gà	Chủng virus đậu gà	Lọ	20, 50, 100 liều (2ml đk)	Phòng bệnh đậu cho gà	TW IV-2
3	Vacxin dịch tả lợn	Virus dịch tả lợn chủng C	Lọ	10, 25, 50 liều (2ml đk)	Phòng bệnh dịch tả lợn	TW IV-3
4	Vacxin tụ huyết trùng trâu bò	VK tụ huyết trùng trâu bò	Lọ	10, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng tụ huyết trùng trâu bò	TW IV-4
5	Vacxin dịch tả vịt	Virus dịch tả vịt	Lọ	100, 250, 500, 1000 liều	Phòng bệnh dịch tả cho vịt	TW IV-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Vacxin Lasota	Virus Newcastle nhược độc	Lọ	20, 50, 100 liều (2mlđk)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV-6
7	Vacxin Newcastle	Virus Newcastle hệ I	Lọ	20, 50, 100 liều (2mlđk)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV-7
8	Vacxin tụ huyết trùng lợn	Vi trùng tụ huyết trùng lợn	Lọ	5, 25, 50 liều (2ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng lợn	TW IV-8
9	Vacxin tụ huyết trùng gia cầm	Vi trùng tụ huyết trùng gia cầm	Lọ	10, 20, 50 và 100 liều (1ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng cho gia cầm	TW IV-9
10	Vacxin kép tụ huyết trùng - phó thương hàn lợn nhược độc	Chủng AvPs -3 Chủng W.H.Smith	Lọ	10, 25 liều (2ml ĐK)	Phòng bệnh tụ huyết trùng và phó thương hàn cho lợn	TW IV-24
11	Vacxin Lasota chịu nhiệt	Chủng Lasota	Lọ	20 liều (5ml)	Phòng bệnh newcastle cho gà	TW IV-25
12	Kháng thể Gumboro - Newcastle	Lòng đỏ trứng chứa kháng thể Gumboro, Newcastle	Chai	50; 100ml	Phòng, trị Gumboro và Newcastle	TW IV-20
13	Biosubstil	Bacillus subtilis	Gói	50; 100; 500g; 1; 10; 20; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy, ổn định VSV đường ruột	TW IV-21
14	Vaccine E.coli phù đầu lợn	E.coli F18	Lọ	10; 20; 50ml (1ml/liều)	Phòng bệnh phù đầu ở lợn	TW IV-22
15	Vaccine THT dê cừu	Pasteurella multocida	Lọ	10; 20; 50; 100ml (2ml/liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng dê, cừu	TW IV-23
16	Dung dịch pha vắc xin	NaCl, H_2O	Chai	10ml, 12ml, 25ml	Pha loãng vắc xin đông khô trước khi tiêm phòng cho gia súc, gia cầm	TW IV-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	Vắc xin kép tụ huyết trùng - đóng dấu lợn nhược độc, đông khô	Vi khuẩn THT lợn nhược độc chủng AvPs3; vi khuẩn đóng dấu lợn nhược độc chủng Vr2	Lọ	10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng và đóng dấu lợn	TW IV-27
18	Dung dịch pha tiêm	Mono sodium phosphate, Disodium hydrogen phosphate, Phenol red, Sodium chloride, sodium hydroxide	Chai	10; 12; 25; 40; 100; 500ml	Dung dịch pha vắc xin đông khô	TW IV-28
19	Vắc xin nhũ hóa THT trâu, bò chủng Iran	Kháng nguyên Pasteurella multocida. chủng Iran (vô hoạt)	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng bệnh THT trên trâu, bò	TW IV-29
20	Lactobio I	Lactobacillus sporogenes; Lactobacillus kefir	Gói	100g	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	TW IV-30
21	Bacilac I	Lactobacillus sporogenes; Bacillus subtilis	Gói	100g	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	TW IV-31
22	Bacilac II	Lactobacillus sporogenes; Lactobacillus kefir; Bacillus subtilis	Gói	100g	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	TW IV-32

TỈNH LÂM ĐỒNG

26. Phân viện vắc xin Đà Lạt

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enzymbiosub	Bacillus subtilis, Men tiêu hóa	Gói	5, 10, 100g	Tăng cường tiêu hóa	BC-01

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

27. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (Navetco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tụ huyết trùng P52	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai (5-10-25 liều)	10, 20ml, 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu bò	TWII-12
2	Nhiệt thán	Nha bào nhiệt thán nhược độc	Chai (10-20-40 liều)	1ml	Phòng bệnh nhiệt thán	TWII-64
3	Dịch tả heo	Siêu vi trùng dịch tả heo nhược độc	Chai (10-25 liều)	1ml	Phòng bệnh dịch tả heo	TWII-2
4	Tụ huyết trùng heo	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai (5-10-25 liều)	10ml; 20ml; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng heo	TWII-9
5	Thương hàn heo	Vi khuẩn phó thương hàn vô hoạt	Chai (5-10-25 liều)	10ml; 20ml; 50ml	Phòng bệnh thương hàn heo	TWII-10
6	Newcastle hệ F	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-3
7	Newcastle hệ M	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-4
8	Laxota	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Đậu gà	Siêu vi trùng đậu gà nhược độc	Chai (100 liều)	1ml	Phòng bệnh đậu gà	TW2-6
10	Dịch tả vịt	Siêu vi trùng dịch tả vịt nhược độc	Chai (200, 500, 1000 liều)	1ml 1,5ml	Phòng bệnh dịch tả vịt	TWII-8
11	Gumboro	Siêu vi trùng Gumboro nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Gumboro	TW2-65
12	Newcastle chịu nhiệt	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (25-50 liều)	0,8ml 1ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-66
13	Tụ huyết trùng gia cầm	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai (10-25 liều)	50ml 20ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng gia cầm	TWII-72
14	Vacxin dịch tả vịt tế bào đông khô	Giống virus dịch tả vịt nhược độc trên tế bào	Chai	4ml	Phòng bệnh dịch tả vịt	TWII-96
15	Navet- iodine	PVP iodine	Bình	100; 500ml; 1; 2; 5; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ	TWII-100
16	B-K-A	Benzalkonium	Bình	100, 500ml, 1; 2 lít	Sát trùng, tiêu độc	TWII-86
17	Benkocid	Benzalkonium, glutaradehyde	Chai, can	500ml; 1; 2; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	TWII-97
18	Chloramin T	Chloramin T	Gói	1kg	Sát trùng chuồng trại, lò mổ, máy ấp trứng,…,	TWII-99
19	Vắc xin xuất huyết thỏ	Vi rút xuất huyết thỏ callicivirus	Chai	20; 50 liều	Phòng bệnh xuất huyết truyền nhiễm do callicivirus cho thỏ	TWII-101

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
20	Navetcide	Glutaraldehyde, Benzalkonium cloride	Bình	100; 500ml; 1; 2; 5; 20l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển	TWII-104
21	Navetkon-S	Potassium monopersulfate, Sodium dodecyl benzene sulphonate, Acid malic, Acid Sulphamic, Sodium hexametaphosphate	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Tiêu độc, sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiên vận chuyển, tiêu độc xác súc vật chết	TWII-114
22	Vắc xin THT trâu bò nhũ dầu chủng P52	Vi khuẩn P.multocida serotype B:2 vô hoạt	Chai	20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	TWII-115
23	Navet-Kháng Gum	Kháng thể Gumboro	Chai	20; 50ml	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gia cầm	TWII-131
24	Navet-Mytox	Deltamethrin	Chai xịt	100ml	Phòng và trị các bệnh do ngoại ký sinh trùng: ve, bọ chét, chí, rận, ruồi, mòng trên thú nuôi	TWII-132
25	Vắc xin đậu dê nhược độc đông khô	Virus đậu dê nhược độc chủng GTQ	Chai	25; 50 liều	Phòng bệnh đậu cho dê	TWII-133
26	Aftovax Monovalent type O	Kháng nguyên LMLM type O ($O_{1manisa}$+ O_{3039})	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò	TWII-135
27	Aftovax Bivalent	Kháng nguyên LMLM type O, A	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, dê, cừu	TWII-136

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
28	Navet-Vifluvac (H_5N_1 subtype, vô hoạt nhũ dầu)	Virus cúm A/H_5N_1 chủng NIBRG-14 vô hoạt	Chai	20; 50ml	Phòng bệnh cúm gia cầm subtype H_5N_1 cho gà, vịt	TWII-137
29	Vắc xin vô hoạt Tụ huyết trùng dê	Pasteurella multocida serotype B:2, A:1 và Pasteurella haemolytica tuýp A	Chai	10; 25; 50 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trên dê	TWII-138
30	Vắc xin nhị giá Tụ huyết trùng và E.coli vịt nhũ dầu	Pasteurella multocida serotype A:1, Escherichia coli serotype O:78	Chai	20ml (20 liều); 50ml (50 liều); 100ml (100 liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng và E.coli trên vịt	TWII-139

28. Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Biodine	P.V.P.Iodine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 20 lít	Tiêu diệt các loài virus, vi trùng, bào tử nấm mốc	LD-BP-266
2	Bio-Povidine	1-Vinyl-2-yrrolidinone polymers, iodine complex	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 20 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại gia súc, gia cầm	LD-BP-332
3	Bioxide	Glutaraldehyde; Alkylbenzyldimethyl, Ammonium chloride	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 20 lít	Diệt virus, vi trùng, bào tử nấm mốc Mycoplasma	LD-BP-342

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Biosept	Glutaraldehyde; Octyldecyldimethylammonium chloride	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 20 lít	Sát trùng hiệu quả các mầm bệnh, virus, vi khuẩn Gr(-), Gr(+), bào tử, nấm mốc, Mycoplasma	LD-BP-350
5	Bio-shampoo 1 (Care)	Permethrin	Chai, lọ Can, gói	50, 60, 100, 120; 150, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 20 lít; 5; 7, 5ml	Điều trị hiệu quả ghẻ, rận trên heo nái, chó mèo	LD-BP-393
6	Bio-shampoo 2 (Skin)	Amitraz	Chai, lọ Can	60, 120, 200, 250, 500ml, 1, 5 lít	Phòng, trị ghẻ do demodex, sarcoptes	LD-BP-394
7	Bio-shampoo 3 (Pet)	Amitraz	Chai, lọ Can	60, 120, 200, 250, 500ml 1, 5lít	Phòng trị ghẻ do demodex, sarcoptes	LD-BP-395
8	Bio-shampoo 5 (Derma)	Amitraz, Ketoconazole	Ống, chai	2; 5; 7, 510; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250ml	Phòng, trị bệnh ghẻ do demodex, carcoptes, bọ chét	LD-BP-426
9	Bio-Shampoo 6 (Fresh)	Xà phòng; vitamin E, B_6	Chai/ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy sạch lông da, dưỡng da lông	LD-BP-442
10	Bio-Finil	Fipronil	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Diệt ve, rận, bọ chét ở chó, mèo	LD-BP- 440
11	Bio-Oxytocin	Oxytocin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Đẻ khó, cơ tử cung co bóp yếu, sót nhau, viêm tử cung, tăng tiết sữa	LD-BP-60
12	Bio-Calcium	Calcium	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Điều trị các bệnh thiếu calci, bảo vệ mạch máu, làm tăng đông máu	LD-BP-104
13	Bio-Calci fort	Calcium	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị các bệnh thiếu calci, magnesium ở trâu bò, heo, dê, cừu	LD-BP-343

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Bio-Electroject	Dextrose, Sorbitol, Sodium lactate, Sodium chloride	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250ml	Cung cấp chất điện giải, trị tiêu chảy, ói, ngộ độc	LD-BP-348
15	Bio-Calcimax	Calcium, Boric acid	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu calci trên trâu bò, heo, dê, cừu	LD-BP-370
16	Bio-shampoo 4 (Jolie)	Vitamin E, B_6	Chai, lọ Can, gói	5; 7,5; 60, 120, 150; 200, 250, 500ml; 1, 5 lít	Khử mùi hôi, làm sạch lông, chống rụng lông, tăng sức đề kháng	LD-BP-397
17	Bio-Gestrone	Progesteron	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng ngừa sảy thai trên heo nái, trị chậm lên giống trên heo hậu bị	LD-BP-451
18	Biotic	Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtillis, Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae, Folic acid, Vitamin A, B_1, B_3	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, bệnh đường ruột ở vật nuôi	LD-BP-346
19	Bio-Prozyme	Bacillus subtillis; Saccharomyces cerevisiae; protease; Amylase; Lipase; β glucanase; Xylanase	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, bệnh đường ruột ở vật nuôi	LD-BP-399

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
20	Bio-Guard	Formaldehyde, Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	60; 100; 150; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi	LD-BP-480

29. Công ty TNHH một thành viên dược thú y Thuận Kiều

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Probizyme	Lactic acid Bacteria, Enzyme	Gói	30, 50, 100, 500, 1000g	Tăng khả năng hấp thu chất dinh dưỡng, cân bằng vi sinh vật có lợi	HCM-X1-50
2	Vetrolyte	Sodium, Potassum, Bicarbonate	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị cảm nóng, giải nhiệt	HCM-X1-32

30. Công ty cổ phần dược phẩm thú y Anova

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	SG. Oresal	Natri clorua, Natri citrate, Kali clorua	Gói	10, 20, 30, 50; 56, 100, 500g, 1kg	Bù nước khi thú bị tiêu chảy	HCM-X2-65
2	Farmxide AP	Alkyldimethylbenzyl ammonium, Glutaraldehyde, Octyldecyldimethyl ammonium chloride, Dioctyl-dimethylam monium, Didecyl-dimethylam monium chloride, Thymol	Lọ, chai	10; 20; 60; 100; 120; 250; 500ml; 1 lít	Thuốc sát trùng giúp tiêu diệt virus, vi khuẩn gây bệnh Gumboro, Newcatle, CRD, FMD	HCM-X2-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Electrolyte AP	Sodium Bicarbonate, Potassium Chloride, Mg, Cu, Zn, $FeSO_4$	Gói, hộp	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg, 100g, 1kg	Phục hồi chất điện giải trong thời gian thú bị stress, sốt cao, tiêu chảy	HCM-X2-122
4	S.G Subtyl	Bacillus subtillis	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg 100g, 1kg; 5kg, 10kg	Chống tiêu chảy, rối loạn tiêu hóa	HCM-X2-142
5	S.G Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	2; 4; 5; 6; 8; 10; 15; 20; 50; 100ml	Kích thích co thắt cơ trơn, giúp thú sinh đẻ dễ dàng	HCM-X2-154
6	Shooty	Permethrin, natri lauryl sulfate, Chloride etyl sulfate, Glycerin	Tuýp	190; 200; 250; 300ml	Dầu tắm trị ghẻ, ve, bọ chét cho chó	HCM-X2-166
7	Calci-Max	Calcium gluconate, Acid boric, Magnesium chloride, Dextrose	Ống, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, magiê, rối loạn chuyển hóa canxi, trường hợp ngộ độc, chứng chảy máu ở gia súc	HCM-X2-174
8	SG Blue SP	Neomycin sulfate Blue Methylen	Chai	100ml	Sát khuẩn, diệt bào tử vi khuẩn, nấm mốc, sát trùng vết thương ngoài da	HCM-X2-192
9	Iodine 10% AP	PVP Iodine	Chai	60; 120; 250; 500ml; 1l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, vết thương, bầu vú, khử trùng nguồn nước uống	HCM-X2-222

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	Aclimat 3.0	Sweet cumin	Tuýp	10; 20; 30; 50; 100; 200ml	Giúp thú nuôi giảm bớt hung dữ. Trị các vết xà mâu, ghẻ lở, vết cọ xước, trầy sưng, chảy nước vàng và các vết thương do nhiễm trùng da	HCM-X2-232
11	SG. Methomyl	Methomyl	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Diệt ruồi trong các trại chăn nuôi	HCM-X2-234

31. Công ty TNHH Minh Huy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Xanh methylen	Methylen blue	Lọ, chai	50, 100ml	Xát trùng vết thương ngoài da	HCM-X4-55
2	Cồn Iod	Iod, IK	Lọ, chai	50, 100ml	Xát trùng vết thương ngoài da	HCM-X4-56
3	Sulfat Kẽm	$ZnSO_4$	Gói	5g, 10g	Bổ sung khoáng	HCM-X4-72
4	Sulfat Magnesium	$MgSO_4$	Gói	5g, 10g	Phòng và trị bệnh do thiếu Mg	HCM-X4-73

32. Cơ sở sản xuất dược thú y Khoa Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	KN.Benko	Benzalkonium	Chai	50; 100; 500; 1000ml	Thuốc sát trùng	HCM-X5-44
2	KN-Yucca	Saponin	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Khử mùi hôi và khí amoniac từ chất thải; phân giải các chất hữu cơ,…	HCM-X5-48
3	KN-Mangin	Mangiferin, Camphor, Menthol	Lọ	20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Sát trùng ngoài da; vệ sinh cơ quan sinh dục trên gia súc	HCM-X5-56
4	Arsunman (KN-Alsarin)	Mangiferin	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị lở loét do virus Herpes; ghẻ, nấm ngoài da	HCM-X5-57

33. Công ty TNHH sản xuất thương mại 533

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat kẽm	Sulfat kẽm	Gói	5g	Trị xà mâu	HCM-X7-25
2	Magnesium sulfat	Sulfat magnesium	Gói	5g	Nhuận tràng	HCM-X7-26
3	Bột khoáng gia súc Avioplastin	$CuSO_4$; $FeSO_4$ $ZnSO_4$; $MnSO_4$	Gói Hộp	20; 200g 500; 1000g	Cung cấp khoáng	HCM-X7-38
4	Lacticomix	Lactobacillus, Acidophilus	Gói Hộp	5; 10; 20; 50g 100; 500; 1000g	Men tiêu hóa trị tiêu chảy	HCM-X7-42
5	Xanh methylen	Xanh Methylen	Chai	50; 100ml	Sát trùng	HCM-X7-45

34. Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Biotyl	Bacillus subtilis, Lactose	Gói	5, 50, 100, 500g; 1kg	Bổ sung men tiêu hóa - giúp tăng tiêu hóa cho heo, gia cầm	HCM-X11-82

35. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Khoáng heo	Fe, Zn, Mn, Cu, I, Se, Co, Ca	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng chống còi xương, loãng xương, rụng lông, da khô, bại liệt ở heo nái đang cho con bú,….	HCM-X15-18
2	Khoáng gia cầm	Fe, Zn, Mn, Cu, I, Se, Co, Ca	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng chống các bệnh thiếu khoáng trên gia cầm như: còi cọc, xù lông, vỏ trứng mềm, bại liệt,...	HCM-X15-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Oralyte	$NaHCO_3$, KCl, NaCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị mất nước do tiêu chảy sốt cao, stress hoặc di chuyển	HCM-X15-20
4	Thuốc mỡ ghẻ	S, $CuSO_4$, $ZnSO_4$	Lọ, chai	2, 5, 10, 20, 30, 50 g	Diệt cái ghẻ, bệnh ngoài da	HCM-X15-113
5	Aquadone-50	Polyvinyl pyrolidone iodine	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít; 2; 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, vi nấm, virus, bào tử và protozoa gây bệnh	HCM-X15-139
6	Aquadone-100	Polyvinyl pyrolidone iodine	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, vi nấm, virus, bào tử và protozoa gây bệnh	HCM-X15-140
7	Kilimax-100	[mono, bis (trimethylam moniummethilene]-alkyl(C_{9-15})	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi, phòng trị các bệnh do vi khuẩn, nấm, mycoplasma	HCM-X15-141
8	Kilimax-200	[mono, bis (trimethylam moniummethilene]-alkyl(C_{9-15})	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi, phòng trị các bệnh do vi khuẩn, nấm, mycoplasma	HCM-X15-142
9	Titandor-50	Akylbenzyldimethy lammonium chloride	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi	HCM-X15-143
10	Titandor-100	Akylbenzyldimethy lammonium chloride	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít 2; 5 lít	Sát trùng thiết bị truyền giống, chuồng nuôi	HCM-X15-144
11	Biocid-300	Sodium dichloroi-socyanurate	Chai Can	50; 100; 500ml, 1 lít; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-145

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Biocid-600	Sodium dichloroi-socyanurate	Chai Can	50; 100; 500ml, 1lít; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-146
13	Multi-Germ	Sodium hypochloride	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5kg	Sát trùng chuồng nuôi, trang thiết bị chăn nuôi, vận chuyển	HCM-X15-147

36. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gava Lactogen	Khoáng, Folic acid	Gói	500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh thiếu khoáng cho gà, vịt, cút: bại liệt, rụng lông, còi xương	HCM-X17-18
2	Khoáng gia súc	Khoáng, Folic acid	Gói	500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu khoáng cho gia súc: heo, trâu, bò, dê, cừu	HCM-X17-19
3	Gavaferm - HG	A, D_3, E, nhóm B, Men vi sinh	Gói	1kg	Phòng và chống bệnh thiếu protein, vitamin và khoáng. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Tăng sức đề kháng, chống Stress	HCM-X17-95
4	Gava 7 way	Amylase, Lactobacillus, Streptococcus faecalis	Gói	20g, 1kg	Phòng, trị chứng tiêu chảy heo con theo mẹ và heo con cai sữa. Phục hồi hệ vi sinh đường ruột	HCM-X17-98
5	Bacizyme Corn	Enzyme, khoáng	Gói	50g, 1kg	Chống chướng hơi, sinh bụng, tiêu chảy	HCM-X17-100
6	Gava Chick	Khoáng, Vitamin, đạm sinh học	Gói	1kg	Cung cấp và cân bằng các amino acid, khoáng, hữu cơ vi - đa lượng và các enzyme cho gà con	HCM-X17-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	O.R.S	Glucose, Sodium chloride, Trisodium citrate, Potassium chlorid	Gói	30g	Phục hồi chất điện giải khi thú bị Stress. Thay thế dịch thể đã mất khi thú bị tiêu chảy, mất nước	HCM-X17-113
8	Electrolytes	Citricacid, Sodiumcloride, Potassium cloride, Sodium bicarbonate	Gói	100g	Cân bằng các chất điện giải cho gia súc, gia cầm. Phòng và trị mất nước do tiêu chảy, chống Stress	HCM-X17-115
9	Gava 100	Vitamin, Khoáng, Enzyme	Gói	2kg	Giúp heo con tập ăn và heo con cai sữa tăng trọng nhanh. Phòng ngừa tiêu chảy, viêm phổi	HCM-X17-123
10	Gavalactyl	Nhóm vi khuẩn lactis	Gói Gói	3g 50g	Phòng và trị các chứng viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, rối loạn hệ vi sinh đường ruột	HCM-X17-128
11	Gavalact	Lactobacillus, B. subtilis, Sac.cerevisiae Vit B_1, B_6, C	Lon	500g	Tăng cường sức đề kháng chống lại bệnh nhiễm trùng. Tăng tỷ lệ tiêu hóa thức ăn. Ngăn ngừa sự phát triển vi khuẩn có hại trong đường ruột	HCM-X17-136
12	Gavatin	Strep. faecalis, Bacillus mesentericus, Beer yeast, Vit C	Lon	500g	Tăng khả năng tiêu hóa, phòng ngừa sự phát triển các vi khuẩn có hại trong đường ruột	HCM-X17-137
13	Men B. S	Bacillus subtilis	Gói	100g, 1kg	Tăng cường và ổn định hệ vi sinh đường ruột. Tăng tỷ lệ tiêu hóa, tăng trọng nhanh	HCM-X17-138

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Sát trùng-GB	Glutaraldehyd, Benzalkonium chloride	Lọ Can	100ml 1 lít, 4 lít	Thuốc diệt các loại vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma spp., … nấm mốc và ký sinh trùng gây bệnh cho gia súc, gia cầm...	HCM-X17-154
15	ECOF 400	Cipermethrin	Chai/ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1L; 4L	Diệt bọ chét, ve, rận, mạt, ruồi, gián, kiến. Sát trùng vết thương, chuồng trại	HCM-X17-163
16	Enrozyme 198	Enrofloxacin, men sinh học, Vit C	Lon	1kg	Phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng. Kích thích tăng trưởng, cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM-X17-139
17	Gava 300	Acid amin, chất béo, chất xơ, Khoáng vi-đa lượng, Vit A, D_3, E, K, B. Complex, Enzyme và các dòng men vi sinh	Gói	2kg	Cung cấp đầy đủ các Amino acid, các dòng men vi sinh hữu ích, chống hội chứng sốt sữa, viêm vú, viêm tử cung, bại liệt, hư móng... các Vitamin và 25 loại Khoáng hữu cơ vi-đa lượng	HCM-X17-149

37. Công ty TNHH TM - SX thuốc thú y Song Vân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Entra levure	Men tiêu hóa B.Subtilis	Gói Lọ, chai	10, 50, 100g 10, 50, 1000, 1, 5kg	Chống rối loạn tiêu hóa, cân bằng hệ thống men tiêu hóa	HCM-X18-21
2	Mosquaty	Pyrithroid permethrin	Bình, xịt	100, 200, 250ml	Trị KST ngoài da, ve, bọ, rận, muỗi	HCM-X18-49
3	Neocidog	Diazinon	Chai	100, 250, 500ml	Diệt côn trùng, bọ, ve, chấy, rận	HMC-X18-30
4	Solamid	Chloramin	Gói, chai	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g,	Sát trùng, tẩy uế, rửa vết thương	HCM-X18-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Super-Milk	Muối Natri, Kali, Canxi PO_4, CO_3, khoáng	Gói Lọ, chai	100, 250, 500g 100, 250, 500g	Tăng cường sản lượng sữa, phòng một số bệnh như sốt sữa, bại liệt	HCM-X18-22
6	Oresol^{SV}	Natri clorua, Kali clorua, Natri citrat, Glucoza	Gói Lọ, chai	10, 50, 100g 10, 50, 100g	Bổ sung năng lượng, muối khoáng, điện giải	HCM-X18-35
7	Calciboma	Calci gluconat, Magie clorua	Ống, lọ	10ml 50, 100, 250, 500ml	Bổ sung năng lượng, điện giải, giảm các cơn đau do co thắt	HCM-X18-48
8	Iodin-SV	Povidone-iodin	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Sát trùng ngoài da trên súc vật	HCM-X18-96

38. Công ty TNHH Quốc Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	QM-Laczyme Soluble	Lactobacillus Acidophilus	Gói Hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1, 10; 20kg,	Cung cấp các vi khuẩn có lợi giúp kích thích tiêu hóa ngăn ngừa tiêu chảy, tiêu phân sống	HCM-X20-14
2	QM Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	2ml, 5ml 10ml	Điều trị sinh khó do tử cung co bóp yếu, sót nhau, sa tử cung, viêm tử cung, viêm vú, thuốc kích thích thải sữa, giúp bầu vú sạch	HCM-X20-55
3	QM-Supercide	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethyl Ammonium chloride	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1; 2l	Sát trùng chuồng trại, lò ấp trứng, dụng cụ, thiết bị	HCM-X20-88

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	QM-Skin Shampoo	Deltarmethrin	Gói, chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Diệt ve, chí, rận, giúp lông sạch, mượt trên chó, mèo	HCM-X20-97
5	Peta-iodine	Polyvinyl pyrrolidone iodine	Chai, lọ	10; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 3; 5 lít	Sát trùng vết thương, tẩy uế chuồng trại	HCM-X20-167
6	Glutacide	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethyl ammonium chloride	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25 lít	Sát trùng lò ấp, trại chăn nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi	HCM-X20-188

39. Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thọ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Lukenmix	L. Bacilus, Amylase, Proteinase, các Vitamin	Gói-hộp	5, 10, 50, 100g 500, 1000g; 10kg	Chống tiêu chảy, kích thích tiêu hóa. Bổ sung vitamin cho vật nuôi	HCM-X23-11

40. Công ty TNHH kinh doanh thuốc thú y Minh Ngân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Calphos-Vita	Vitamin A, D_3, E, Dicalcium phosphate	Gói	200, 500, 1.000g	Bổ sung calci, phospho và các loại Vitamin cần thiết; Phòng và trị bệnh còi xương	MNV-31
2	Elect Oresol	NaCl, KCl, glucose	Gói Hộp	10; 15; 18; 30; 50g 100; 500; 1000g	Dùng bù nước và chất điện giải cho gia súc, gia cầm bị tiêu chảy	MNV-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Vi khoáng gia cầm	Fe, Cu, Zn, Mn, Mg, I, Se	Gói, hộp	50, 100, 200, 500g, 1, 5, 10kg	Ngừa và điều trị các bệnh về dinh dưỡng do thiếu khoáng vi lượng	MNV-54
4	Vi khoáng heo	Fe, Cu, Zn, Mn, Mg, I, Se	Gói Hộp	100; 200; 500; 1kg; 1; 5; 10kg	Phòng, trị thiếu hụt khoáng vi lượng cho heo	MNV-58
5	Xanh Methylen	Bleu methylen	Lọ, chai	60, 100, 500, 1.000ml	Thuốc sát trùng ngoài da, sát trùng vết thương lở loét	MNV-67
6	Digestive Enzym Plus	Enzym tiêu hóa tổng hợp, Saccaromyces, Vitamin nhóm B	Hộp, gói	5; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Kích thích tiêu hóa, ngăn ngừa và trị nhiễm trùng đường ruột do: E.coli, Vibrio, Aeromonas	MNV-72
7	Cồn Iod	Iod	Lọ	60; 100; 500; 1000ml	Sát trùng vết thương, phẫu thuật, thiến hoạn, tiêm, và băng rốn heo con sơ sinh	MNV-91
8	MN Iodine Complex	Polyvidone iodine	Lọ, bình	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000; 2000ml	Thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi thú y	MNV-94
9	Benkona	Benzalkonium chloride, Amyl acetate	Lọ	50; 100; 250; 500; 1000ml	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm	MNV-92

41. Công ty TNHH mỹ phẩm Hoàng Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Dầu tắm chó, mèo FAY	Sodium Lauryl, Ether Sulfate, hương liệu	Chai	12; 100; 120; 200; 220; 300; 330; 500; 750; 800ml; 1, 2, 5l	Khử mùi hôi da, lông của chó mèo	HCM-X25-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Xà phòng tắm chó, mèo FAY	Xà phòng, hương liệu	Hộp	50; 90; 100; 120g	Khử mùi hôi da, lông của chó mèo, làm sạch ve rận	HCM-X25-2
3	Nước hoa chó, mèo FAY	Ethylic, hương liệu	Chai	90; 100; 125; 150; 175; 200; 300; 330; 350; 375; 400; 650; 700ml	Khử mùi hôi da, lông của chó mèo, làm sạch ve rận	HCM-X25-3
4	Nước hoa chó, mèo Palma	Etylic, tinh dầu họ Citrus	Chai	90; 100; 120; 150; 175; 200; 300; 350; 375; 400; 650; 700ml	Khử mùi da lông, làm sạch ve rận	HCM-X25-4
5	Dầu tắm chó, mèo Palma	Sodium lauryl Ether sunfate (SLSE), tinh dầu họ Citrus	Chai nhựa	12; 100; 120; 150; 200; 300, 500; 750; 800ml; 1; 2; 5l	Vệ sinh da lông thú, khử mùi hôi, làm sạch ve rận	HCM-X25-5
6	Phấn thơm Fay powder (Xà phòng khô Fay powder)	Talcum, ZnO, Cornstarch, tinh dầu Citrus	Chai nhựa	100; 120; 200g	Khử mùi, làm sạch da lông, trừ ký sinh trùng trên da, lông	HCM-X25-6
7	Palma care	Soap pellet, Citrus oils, Cajeputol	Hộp giấy	100g	Khử mùi hôi dưỡng lông, giảm khô, rụng lông trên chó, mèo	HCM-X25-7
8	Fay xịt phòng trừ ve, rận	Fipronil	Chai	100; 120; 200; 300; 400; 500; 750; 800ml 1; 2; 5l	Diệt ve, rận, bọ chét ký sinh trên da	HCM-X25-8

42. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y Napha

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	PVD-Iodine	Povidone iodine	Chai, can	5; 10; 20; 50; 60; 100; 120; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Sát khuẩn, chống nấm	HCM-X24-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Oxytocin	Oxytocin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X24-20
3	NP-Fe + B_{12}	Fe (Dextran), Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, dê non, cừu non	HCM-X24-35
4	NP-Calcium-Fort	Calcium gluconate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Điều trị sốt sữa, bại liệt trước và sau khi đẻ, chứng co giật	HCM-X24-64
5	NP-FER 100 (Fe 10%)	Sắt (Fe)	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị thiếu sắt, thiếu máu	HCM-X24-63
6	Nakocid	Glutaraldehyde Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride Amyl acetate	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc xác chết	HCM- X24-108

43. Công ty TNHH thuốc thú y - thủy sản Hương Hoàng Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Xanh Methylen 1%	Xanh Methylen	Lọ	10, 50, 100, 250ml	Sát trùng vết thương, vết nứt nẻ ở chân, vú, miệng cho trâu, bò lợn	HHN-1
2	Mỡ ghẻ	Tesyichloramide Na, Copper sulfate, Zinc sulfate, Parafin	Lọ nhựa	25; 50; 100g	Trị viêm da, xà mâu, hà móng, hoại tử trên gia súc, gia cầm	HHN-5

44. Công ty TNHH Kiến Vương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	KV-Iodine 10	Povidone iodine	Chai, can	500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng vết thương, dụng cụ, chuồng trại chăn nuôi	HCM-X28-1
2	KV-BKC 40	Benzalkonium chloride	Chai, can	500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng dụng cụ, chuồng trại , môi trường chăn nuôi	HCM-X28-2

45. Công ty TNHH sản xuất thương mại Toba

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ST 5	Didecyl dimethyl ammoniumchloride; Dioctyl-dimethylam monium; Octyldecyldimethyl ammonium chloride; Alkyldimethylbenzyl ammonium glutaradehyde	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Khử trùng, diệt khuẩn, diệt nấm, diệt vi rút	HCM-X31-2
2	ST-menzy	Bacillus subtilis	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, viêm đại tràng, còi cọc, rối loạn tiêu hóa	HCM-X31-8

TỈNH TÂY NINH

46. Công ty TNHH TM - SX A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nutrisal	Butaphosphan, Cyanocobalamine, Nicotinamide, DL- Methionine, Taurine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trợ sức trong quá trình điều trị, phục hồi thú suy nhược gầy còm, rối loạn về chuyển hóa, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	AA-Vicom	L-Arginine, Ascorbic acid Glycine, L-Methionine, Thiamine, Riboflavin sodium phosphate, Nicotinamide	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và hỗ trợ trong trường hợp suy nhược, biếng ăn, giúp phục hồi suy nhược do bệnh hoặc sau phẫu thuật, phòng bệnh do thiếu protein và vitamin trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-18
3	Proges- E	Progesterol, Vitamin E	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục trên bò, ngựa, heo	ASTA-36
4	Estrol- HCG	Chlorionic gonadotropin, Oestradiol benzoat	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều tiết sinh sản, gây động dục	ASTA-48
5	Subtizym	Bacillus subtilis, Lactobacillus, Protease	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị rối loạn tiêu hóa, cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột khi bị mất cân bằng khi sử dụng kháng sinh	ASTA-49
6	Rosterol	Cloprostenol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chữa lưu tồn thể vàng, không động dục, động dục ẩn	ASTA-51
7	Ocytocin	Oxytocine	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Sử dụng trong trường hợp đẻ khó, cơ tử cung co bóp yếu, sót nhau, viêm tử cung, tăng tiết sữa	ASTA-56
8	PV Dine	PVP Iodine	Chai, can	20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, vết thương, bầu vú, khử trùng nguồn nước	ASTA-74

47. Công ty TNHH SX - TM M.E.B.I.P.H.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Mebi - Iodine	Povidone iodine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Sát trùng chuồng trại, vết thương	MBP-49

TỈNH BÌNH DƯƠNG

48. Công ty TNHH Bayer Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	De-Odorase	Chất khử mùi hôi chiết xuất từ cây Yucca schidigera	Gói Xô Thùng	20g; 100g; 500g; 750g; 1kg 2,5kg; 5kg; 7,5kg 10kg; 25kg	Khử mùi amoniac hạn chế ô nhiễm môi trường không khí và nước	BAS-41
2	A-T 110 Electrolytes Water Soluble	Citric acid; Sodium chloride; Sodium bicarbonate; Potassium chloride	Gói Xô; thùng	100g; 250g 500g; 1kg; 2,5kg; 5kg; 7,5kg; 10kg; 25kg	Phòng và trị các trường hợp mất nước gây ra bởi các bệnh đường ruột	BAS-62

49. Công ty liên doanh TNHH Anova

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Novazyme	B.subtilis, Sac. Cerevisiae, Amylase, lipase, protease, hemicellulase, acid amin, phospho, calcium, khoáng; vitamin B_1, B_2, B_6, E, pantothenic acid, niacin, choline, folic acid và acid hữu cơ	Gói Túi Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg 100; 200; 500g; 1kg 10kg; 25kg	Ổn định và cân bằng hệ vi sinh đường ruột, giúp phòng ngừa hữu hiệu các bệnh viêm ruột, tiêu chảy. Nâng cao khả năng tiêu hóa, phòng ngừa chứng tiêu phân sống, giúp thú mau lớn, tiết kiệm thức ăn	LD-AB-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Nova-Aminolytes	Sodium bicarbonate, Potassium chloride, Sodium chloride, Calcium, Methionine	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 10kg; 25kg	Chống cắn mổ. Chống stress lúc tiêm phòng hoặc trời nắng nóng. Giải nhiệt và chống mất nước trong các bệnh sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-33
3	Nova-Dextrolytes	Dextrose, potassium chloride, citric acid, sodium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg, 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Chống stress và cắn mổ lúc trời nắng nóng. Chống mất nước và mất chất điện giải trong các bệnh sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-36
4	Novadine	Iodine	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Tiêu diệt virus, vi khuẩn, Mycoplasma, nấm mốc gây bệnh	LD-AB-40
5	Novacide	Glutaraldehyde, Dimethyl Alkylbenzyl C_{12}-C_{14}-C_{16} ammonium	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Có phổ diệt khuẩn rộng đối với virus, vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma, nấm mốc	LD-AB-39
6	Novasept	Alkyldimethylbenzyl ammonium chloride, Didecyldimethylammonium chloride, Glutaraldehyde.	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Thuốc sát trùng đối với các loại mầm bệnh như virus, vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma, nấm mốc gây bệnh	LD-AB-41
7	Nova-Acilac	Acid Lactic, L-acid Tartric, acid malic, Orthophosphoric acid, acid citric; Enzyme tiêu hóa: Amylase, Protease, Lipase, Hemicellulase, Glucanase; Chất khoáng; Vitamin	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Nâng cao tỷ lệ tiêu hóa hấp thu dinh dưỡng; tiêu diệt vi trùng gây bệnh đường ruột; phòng ngừa các bệnh về đường tiêu hóa	LD-AB-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Nova-Calcium-D	Calci gluconate, Calci glucohepatonat, Calci D-saccharate, Vit B_{12}	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Cung cấp calcium, điều trị kịp thời và hiệu quả bệnh do thiếu Calcium xảy ra trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, chó, mèo	LD-AB-80
9	Nova- Elecject	Dextrose monohydrate, Sorbitol, Sodium lactase, Sodium chloride, Potassium chloride, Mg chloride, Ca.chloride, Chloride	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị mất nước, thiếu năng lượng và mất chất điện giải trong trường hợp sốt cao. Tiêu chảy kéo dài, ói mửa, các trường hợp giảm huyết áp do Shock, ngộ độc cấp tính, mất máu	LD-AB-90
10	Dinospray	PVP Iodine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4l	Khử trùng vết thương, vết thiến, vết mổ	LD-AB-107
11	Nova-Yellow shampoo	D- Pantanol, Vitamin E, B_6, Biotin, Zinc	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1l	Khử mùi, sạch lông, chống rụng lông, dưỡng da trên chó, mèo	LD-AB-120
12	Nova- Green shampoo	Permethrin	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị ve, rận, bọ chét trên chó, mèo	LD-AB-121
13	Nova- Pink shampoo	Amitraz, Ketoconazole	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị ghẻ, bọ chét kết hợp với nấm da trên chó, mèo	LD-AB-122
14	Nova-Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	LD-AB-134
15	Nova-MC.A30	Didecyl dimethyl ammonium chloride, Protectol, Edetate	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 2; 5; 10; 25l	Khử trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, khử trùng lò mổ, khử trùng nước	LD-AB-148

50. Công ty TNHH TM và sản xuất thuốc thú y Minh Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	MD Electrolytes	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Dextrose; Potassium Chloride	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp chất điện giải trong các trường hợp bị mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng, chống stress khi có sự thay đổi môi trường	HCM-X22-21
2	MD Biolaczym	Bacillus sustilis	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh đường ruột do vi khuẩn E. coli, Salmonella, Clostridium, giúp tiêu hóa thức ăn, ngừa rối loạn tiêu hóa, loạn khuẩn do sử dụng kháng sinh	HCM-X22-23
3	MD Anti Stress	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Calcium gluconate; Potasium chloride; Magnesium - sulfate; Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Chống stress, tăng sức đề kháng, chống mất nước, mất chất điện giải, giải nhiệt trong các trường hợp nóng bức, thay đổi môi trường	HCM-X22-27
4	MD Aminolyte	Lysin; Calcium Gluconate; Methionin; Sodium - Bicarbonate; Sodium - Chloride; Dextrose; Potassium Chloride	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các trường hợp mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng. Chống stress do thay đổi thời tiết, chuyển chuồng, thay đổi thức ăn	HCM-X22-34
5	MD Bacilac Plus	Bacillus; Organic acid; Vit A, D_3	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường ruột: E.coli, Salmonella, Clostridium, rối loạn đường ruột	HCM-X22-41
6	MD LACTIC	Acid lactic, Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Folic acid	Gói, bao	5g, 10g, 20g, 30g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Cung cấp vitamin tổng hợp, giúp tăng sức kháng bệnh, hạ độ pH đường ruột, tăng khả năng hấp thụ thức ăn	HCM-X22-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	MD phexid	Phenol	Chai, lọ, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1lít	Điều trị các chứng lở loét ngoài da, viêm móng, nứt móng, thối móng, da hóa sừng	HCM-X22-53
8	MD diodine	P.V.P Iodine	Chai, lọ, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1lít	Khử trùng nguồn nước uống, sát trùng vết thương, sát trùng chuồng trại…	HCM-X22-55
9	MD Prozyme	Bacillus subtilis, Saccharomyces	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh tiêu chảy, tăng sức đề kháng	HCM-X22-116
10	MD Biofat	B.subtilis, Lysin, Methionine, S.cerevisiae	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1kg; 5; 10kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, sưng phù mặt do E.coli, giúp heo ăn nhiều, tiêu hóa tốt, mau lớn	HCM-X22-145
11	MD Oxytocin	Oxytocin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X22-166
12	MD Oxide ADC	N-akyldimethyl, Glutaraldehyde	Chai, lọ, can	100; 500; 1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương	HCM-X22-180

51. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Sapha

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Lactizym	Lactobacilus - Acidophilus	Gói, bao, hộp	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15kg	Men tiêu hóa sống, ngừa tiêu chảy và Ecoli	SAFA-21
2	Saviod	Polyvinyl pyrrolidone - Iodine	Chai, can	10; 20; 40; 80; 100; 200; 500ml; 1; 2; 3; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 15; 20 lít	Sát trùng chuồng trại dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, bầu vú	SAFA-39
3	Safa E - Terone	Progesterone, Vitamin E	Chai	20; 50; 100; 200ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, sinh non, sảy thai, loạn sản	SAFA-62

TỈNH ĐỒNG NAI

52. Công ty TNHH Virbac

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Protect	Potassium peroxymonosulfate, Malic acid, Sulfamic acid, Dodecyl sodium sulfate	Gói, hộp, xô	10; 20; 100g; 1; 10; 25kg	Sát trùng bề mặt và không khí chuồng nuôi gia súc, gia cầm	LDVV-28

53. Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Aseptic Solution	Povidone-Iodine	Chai, can	200; 500ml; 1; 3.8; 25l	Sát trùng da; sát trùng bầu vú; sát trùng trang thiết bị	YSPV-28
2	Pon Pon Soluble Powder	Biodiatase, Lactobacillus Powder, Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Nicotinamide, Ca.Pantothenate, Folic Acid, Lysin HCl, Ca.Phosphate dibasic	Túi, bao	100g; 1kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, stress do thay đổi môi trường, tiêm phòng, sử dụng thuốc trị bệnh, thiến, cắt mỏ	YSPV-37

54. Công ty TNHH TM & SX Việt Thọ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dovidine	Povidone Iodine	Chai, can	250; 500ml; 1; 5 lít	Sát trùng chuồng trại, vết thương, bầu vú, khử trùng dụng cụ, nguồn nước uống…	VVT-2

TỈNH LONG AN

55. Công ty TNHH dược phẩm thú y - thủy sản Long An

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Lavecide-LA	Glutaraldehyde, Benzalkonium	Chai, bình	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Sát trùng chuồng trại, lò ấp, lò giết mổ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc	LAV-8
2	Enzym. Subtyl.B	B. subtilic, L.acidophills, Saccharomyces, Vit B_1	Gói, hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg, 10kg	Phòng, trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính, loạn khuẩn đường ruột, rối loạn tiêu hóa do sử dụng kháng sinh lâu dài	LAV-59
3	Enzym. Subtyl Amylase, Protease	Bacilus subtilic	Gói, hộp	5; 10; 50; 100g 500g, 1kg, 10kg	Phòng, trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính, các chứng rối loạn tiêu hóa...	LAV-65
4	Sát trùng A.C.A	Benzal konium , $CuSO_4$, acid citric	Lọ	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1l, 5l	Sát trùng dụng cụ, chuồng trại, máy ấp, lò ấp và trứng, vết thương, vết mổ	LAV-80

56. Công ty Cổ phần Interpharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Intershampoo	Permethrin	Chai, lọ	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bọ chét, ve, chiggers, chí trên chó	ITP-54

TỈNH TIỀN GIANG

57. Công ty Cổ phần dược thú y Cai Lậy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Mỡ ghẻ xanh	Deltamethrin; $ZnSO_4$	Lọ	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh ngoài da: xà mâu, ghẻ, rận, rệp	CL-100

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Magie-Sulfate	Sulfate magie	Gói	5g	Trị bệnh táo bón, chống co giật	CL-107
3	Sulfate kẽm	Sulfate kẽm	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Điều trị bệnh do thiếu kẽm như da bị nổi sần đỏ, rụng lông, thuốc	CL-108
4	Calcimix	Vitamin A; E; D_3; Ca; P; khoáng vi lượng; Enzyme	Gói Lon	30; 50; 100; 200; 500; 1000g; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Ngừa và trị chứng còi cọc chậm lớn do suy dinh dưỡng ở heo con gà vịt con, bê, nghé, phòng chứng mềm, xốp, cong xương	CL-113
5	Mỡ ghẻ vàng	Deltamethrin	Lọ	5; 10; 25; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh ngoài da ở gia súc như: xà mâu, ghẻ, rận, rệp, chí	CL-142
6	Bye-Cilox	Colistin sulfate, Lincomycin, acid lactic, Hemicellulase men α-amylase, Protease β-glucanase	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500; 1000g; 2; 5; 10kg	Trị và ngừa bệnh tiêu chảy ở heo do nhiễm khuẩn đường ruột	CL-166
7	Shampoo-antipara	Deltamethrin	Chai	100; 200; 250; 500; 1000ml	Tắm sạch, trị ghẻ, ve, xà mâu, rận, chí, bọ chét ở heo, chó, mèo và gia súc khác	CL-243
8	Thuốc sát trùng chuồng trại	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Sát trùng chuồng trại, lò ấp, khử trùng nước, trứng trước khi ấp, tiêu độc xác chết	CL-270

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

58. Công ty cổ phần SXKD vật tư và thuốc thú y (Vemedim)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfate Kẽm	Sulfate Kẽm	Gói, hộp	5-10-20-50-100-200-500g	Bổ sung kẽm, phòng các bệnh về da và móng	CT-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Sulfate Magne	Sulfate Magne	Gói, hộp	5-10-20-50-100-200-500g	Bổ sung Magne, phòng trị táo bón	CT-60
3	Dung môi pha tiêm	Propylen Glycol Benzyl Alcohol	Chai, lọ Ống	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít; 5; 10ml	Dùng pha các loại thuốc tiêm khó tan	CT-96
4	Sinh lý mặn	NaCl 0,9%)	Chai, lọ Ống	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít; 5; 10ml	Pha các loại thuốc tiêm	CT-99
5	Hemofer (10-20%)+ B_{12}	Iron Dextran Vitamin B_{12}	Chai, lọ Ống	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít, 2; 5; 10ml	Bổ sung sắt cho heo (lợn), phòng thiếu máu ở heo con	CT-102
6	Mineral	Khoáng các loại	Chai, lọ, Can	20-50-100-200-250-500ml-1-5-10-20-25 lít	Bổ sung khoáng cho GS - GC, chống mất nước trong các bệnh tiêu chảy	CT-138
7	Feriron	Iron Dextran	Chai, lọ Ống	5-10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít; 2; 5; 10ml	Bổ sung sắt cho heo, chống thiếu máu do thiếu sắt	CT-141
8	Hemofer (10-20%)	Iron Dextran	Chai, lọ Ống	5-10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1 lít, 5; 10ml	Bổ sung sắt cho heo, chống thiếu máu do thiếu sắt	CT-147
9	Oxytocin	Oxytocin	Chai, lọ Ống	2-5-10-20-50-100-200ml 2; 5; 10ml	Tăng co bóp tử cung, cầm máu trong trường hợp chảy máu sau khi sinh	CT-164
10	Vimeral	Lysine, Methionin, Ca, P, Se, KI, Co, Mg, Cu, Fe, Zn, Mn	Gói, hộp bao, xô, thùng	20; 25; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 6; 10; 20; 25kg	Bổ sung acid amin và khoáng	CT-183
11	Vime-Iodine	Iodine	Chai, can	20; 50; 60; 90; 100; 120, 200; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Sát trùng vết thương	CT-206
12	Vime-CLOT	Tosyl chloramide Na, Hypochroride	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Sát trùng vết thương	CT- 239
13	Vime-Subtyl	Bacillus subtilis	Gói, Lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg; 1; 3 ; 4; 5; 6kg	Trị tiêu chảy, viêm đại tràng, còi cọc, rối loạn tiêu hóa	CT- 240
14	Vime-Baciflor	Florfenicol, Bacilus subtilis	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Tiêu chảy heo và hô hấp trâu bò	CT- 243

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Vime-Protex	Alkyldimethylbenzyl amonium chloride, 1-5-pentanedial	Chai, can	100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chuyên chở gia súc, lò giết mổ, tẩy trùng dụng cụ chăn nuôi	CT-262
16	Spray dog	M-phenoxybenzyl-3-(2, 2 dichlorovinyl) 2-2 dymethyl, Cyclopropanecarbo xylate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 60; 90; 100; 120; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị ve, rận, bọ chét ở chó, trâu bò	CT-274
17	Thuốc diệt ruồi	S-methyl N[(methylcarbamo xyl) oxy] thioacetimidate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Diệt ruồi, muỗi trong chăn nuôi thú y	CT-275
18	Vime-Shampo	M-phenoxybenzyl-3-(2, 2 dichlorovinyl) 2-2 dymethyl, Cyclopropanecarbo xylate, Sod.Lauryl sulfte	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 60; 100; 250; 300 ; 500ml; 1; 5 lít	Trị ve, rận, bọ chét ở chó, trâu, bò	CT-276
19	Vizyme	Vi khuẩn sinh lactic, Bacillus subtilis, vitamin C, Lactobacillus Spp. NaCl, KCl, Lactose,	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg; 10; 15; 20; 25kg	Trị rối loạn tiêu hóa sau khi dùng kháng sinh, phòng chống stress, cân bằng điện giải	CT-286
20	Vime-Bacilac	Nấm saccharomyces, Lactobacillus, Bacillus subtilus	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg; 10; 15; 20; 25kg	Phòng chống tiêu chảy, viêm đại tràng, còi cọc; giữ cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột, trị rối loạn tiêu hóa	CT-288

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21	Vime-Blue	Bluemethylen, Oxytetracyclin, 1, 5- Pentanedial, Isopropyl alcol	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 60; 100; 120; 200; 220; 250; 500ml; 1 lít; 5 lít	Trị nhiễm trùng vết thương ngoài da Sát trùng da khu vực chuẩn bị phẫu thuật, nơi tiêm, thiến.…	CT-293
22	Diptivet	Tosylchloramide Na, Copper sulfate, Zinc sulfate	Hộp/ tuýp	30, 500g	Điều trị bệnh ngoài da của gia súc, gia cầm	CT-294
23	O.S.T	Oestradiol cypionate	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị chứng không rụng trứng, gia súc cái động dục ẩn, khó thụ thai	CT-301
24	Vimekon	Potassium monopersulfate, Malic acid, Sodiumhexameta phosphate,	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1; 10; 15; 20; 25kg	Thuốc sát trùng chuồng trại, thiết bị, vệ sinh nước uống	CT-302
25	Vime-Yucca	Yucca schidigera (Saponin)	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 10; 15; 20; 25kg	Khử mùi hôi trong chuồng trại	CT-328
26	Anti-Flu	Citric acid, Ascorbic acid, Malic acid, Glutamic acid, α- tocopherol, Selenium	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 10; 15; 20; 25kg	Tăng sức đề kháng, phòng chống stress do nhiệt, vận chuyển trên gia cầm, heo con	CT-329
27	Chloramin - T	Chloramin T	Gói, hộp, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 12; 14; 15; 20; 25; 50kg	Thuốc sát trùng	CT-333
28	BKC	Benzalkonium Chloride	Chai/lọ Can	5; 10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml; 1; 2; 5; 20l	Sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển	CT-334

59. Công ty TNHH thuốc thú y Cần thơ (Veterco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat Mg	Mg	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Bổ sung Mange	CT(TH)-82
2	Sulfat Zn	Zn	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Bổ sung kẽm	CT(TH)-83

60. Công ty TNHH thuốc thú y 2-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat kẽm	Zn	Gói	5g	Cung cấp chất kẽm cho gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-64
2	Plastin-Iod	Mineral	Gói	250g	Ngừa và trị chứng ăn lông, rụng lông, bại liệt, còi xương	CT(X2-9)-74
3	Sulfat Magné	Sulfat Magné	Gói	5; 20; 50g	Ngừa rụng lông, nhuận tràng	CT(X2-9)-96
4	Iodine-Complex	Polyvinyl pyrrolidone complex (Iod hoạt tính)	Chai, can	250ml; 1; 2; 4 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	CT(X2-9)-161

61. Công ty thuốc thú y Hậu Giang (Anivet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat Magne	$MgSO_4$	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 1000g	Trị rụng lông, xổ phèn	CT(HG)-2
2	Sulfat Kẽm	$ZnSO_4$	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 1000g	Trị xà mâu nứt da, yếu xương	CT(HG)-3
3	Khoáng - Electrolytes	Acid citric, Sodium bicarbonate, Postassium chloride, Sodium chloride, $ZnSO_4$, Mg SO_4, Fe SO_4	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Duy trì cân bằng dịch thể ở gia súc, gia cầm	CT(HG)-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Khoáng gia súc, gia cầm (Plastin-Iodin)	$MnSO_4$, $MgSO_4$, $FeSO_4$, $ZnSO_4$, $CuSO_4$, Dicalcium phosphat, Postassium Iod	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Phòng và trị thiếu khoáng ở gia súc, gia cầm	CT(HG)-68

62. Công ty TNHH sản xuất thương mại thuốc thú y 1/5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfat Kẽm	Sulfat Kẽm	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung khoáng	CT(X1/5-23)
2	Sulfat Mange	$MnSO_4$	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung khoáng	CT(X1/5-24)
3	Plastin	Ca, Cu, Fe, Mn, Zn	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, khoáng	CT(X1/5-32)
4	Milkmilac	Vitamin A, E, B_1, Ca PP, Lysin, Methionin, chất xơ, béo, chất đạm	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các trường hợp heo nái ít sữa, mất sữa, heo con còi cọc, giúp cai sữa sớm heo con	CT(X1/5-26)
5	Promilk	Vitamin A, D_3, E, Casein, Iodine, Lysin, Methionin, Calcium Tryptophan, Phospho, NL tiêu hóa, chất đạm, béo	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các trường hợp heo nái ít sữa, mất sữa, heo con còi cọc, giúp cai sữa sớm heo con	CT(X1/5-27)
6	Men UB-Vit	Bacillus spp, Lactobacillus spp, Protease, Amylase, Cellulase, VitA, D_3, B_1	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị rối loạn tiêu hóa gây tiêu chảy, kém tăng trọng do mất cân bằng hệ VSV hệ tiêu hóa trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-39)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Biocid	1-Vinyl-2 pyrrolidinone polimers, Iodine complex	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Sát trùng vết thương ngoài da, lở loét, sát trùng vùng mổ, bầu vú, núm vú, chống nấm lông	CT(X1/5-47)
8	Milkmilac	Vitamin A, E, B_1, PP, Lysin, Methionin, Ca, chất xơ, béo, đạm	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các trường hợp heo nái ít sữa, mất sữa, heo con còi cọc, giúp cai sữa sớm heo con	CT(X1/5-26)

63. Công ty thuốc thú y Á Châu

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Plastin	Iron sulfate, Magnesium sulfate, Manganese sulfate, Zinc sulfate, Coper sulfate, Cobalt sulfate, Iodine caselnate, Selenium sodium, $C_5H_{11}O_2NS$, $C_6H_{14}N_2O_2$ Hcl, Calcium carbonat, Calcium Diphosphate	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g, 1kg 100g, 250g, 500g, 1kg	Trị thiếu khoáng, chứng ăn lông và rụng lông, bại liệt ở gia cầm, chứng còi xương và khoèo chân, loãng xương, chứng bại liệt	APC-33
2	Sulfat Magne	Mg	Gói	5, 10, 20, 100g	Trị chứng rụng lông của gia súc, nhuận tràng, tạo vỏ trứng bóng	APC-129
3	Sulfat Zn	Zn	Gói	5, 10, 20, 100g	Tăng cường chức năng sinh sản, chống rụng lông, xà mâu	APC-130
4	Vita C - Electrolyte	Potassium, Vitamin C, Sodium Chloride	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Phòng chống stress và nâng cao đề kháng cho gia súc, gia cầm	APC-154

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Electrolyte	Sodium Bicarbonate, Sodium, Potassium	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Phòng chống stress và nâng cao sức đề kháng. Điều trị mất nước, điện giải	APC-155
6	Calcium-Fort	Calcium gluconat	Ống, chai, lọ	5ml; 5, 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu canxi, các chứng bại liệt của gia súc, gia cầm	APC-115
7	Calcium C	Calcium, C	Lọ, chai	5, 10, 30, 60, 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, bổ sung vitamin giúp thú mau lại sức sau khi bệnh	APC-145
8	Sinh lý mặn	Natri clorua	Lọ, chai	100, 200, 500ml	Bổ sung nước, thiếu muối, pha thuốc tiêm	APC-146
9	Iodine	Povidone iodine	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 2 lít	Thuốc sát khuẩn, chống nấm, sát trùng chuồng trại	APC-183
10	Protect	Glutaraldehyde; Alkylbenzyldimethyl ammonium chloride	Lọ, can	100; 500ml; 1; 2; 5; 20 lít	Tiêu độc chuồng trại, phương tiện vận chuyển, khử trùng máng ăn, máng uống, dụng cụ, sát trùng trực tiếp trên vật nuôi	APC-184

B. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI

1. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Ruby

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Zeolite Poder	SiO_2, Al_2O_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_3O_3	Bao	10; 15; 20; 25kg	Dwijaya Perkasa Abadi-Indonesia	DPAI-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
2	Seolite Pallte RouND	SiO_2, Al_2O_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_3O_3	Bao	10; 15; 20; 25kg	Dwijaya Perkasa Abadi-Indonesia	DPAI-2
3	Povidine Iodine	Povidine Iodine	Lon	100; 250; 500g; 1kg	Glide Chem Pvt-Canada	GCC-1

2. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Aftopor	Kháng nguyên LMLM đơn type O (O Manisa, O_{3039})	Chai (50 liều)	100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, lợn	Anh, Pháp	MRA-19
2	Aftovax	Kháng nguyên LMLM đa type O, A, Asia1	Chai (50 liều)	100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	Anh, Pháp	MRA-32
3	Aftopor monovalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type A (A22 Iraq, A May 97)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-204
4	Aftopor bivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A (A22 Iraq, A May 97)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-205
5	Aftopor trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A (A22 Iraq, A Malaysia 97), Asian 1 (Asian 1 Shamir)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-206
6	Aftovaxpur trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A(A22 Iraq, A Malaysia 97), Asian 1 (Asian 1 Shamir)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-207

3. Công ty TNHH Asialand Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vetophos	Ca, Cu, Fe, Mg, Mn, P, Zn	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5L	Bổ sung khoáng hỗn hợp cho gia súc, gia cầm	MRA-96
2	Iodavic	Iodine	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5L	Thuốc sát trùng chuồng trại, kho tàng, dụng cụ, nước uống	MRA-146
3	Prophyl 75	Phenol tổng hợp	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5L	Thuốc sát trùng và khử mùi, đa dụng	MRA-147

4. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (Navetco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Aftopor	Kháng nguyên LMLM đơn type O (O Manisa, O_{3039})	Chai (50 liều)	20; 50; 100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, lợn	Anh, Pháp	MRA-19
2	Aftovax	Kháng nguyên LMLM đa type O, A, Asia1	Chai (50 liều)	20; 50; 100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	Anh, Pháp	MRA-32
3	Swivac C	Virus dịch tả lợn nhược độc (GPE chủng)	Chai	10; 20; 50ml	Phòng dịch tả lợn	Nhật	KSC-1

5. Công ty Cổ phần dược thú y Cai Lậy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Intercept	Glutaraldehyde, Benzalkonium	Chai	50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 1 lít	Anupco-England	AP-17

6. Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiện Nguyễn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	UGF-2000	Men tiêu hóa	Gói	1kg	Femented Product	FP-2-3

C. DANH MỤC VAC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y NHẬP KHẨU

ANH (ENGLAND)

1. Công ty Antec International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	DSC 1000	Alkyl dimethyl benzyl, Ammonium chloride, Alkyl alcohol ethoxylate, non-ionic surfactant	Lọ Chai Bình	10; 20; 25; 50; 100ml 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200lít	Diệt vi sinh vật, chống vi khuẩn, nấm mốc và các loại men gây độc	ATI-1
2	Virudine	Iodine, Phosphoric acid	Lọ Chai Bình	10; 20; 25; 50; 100ml 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200lít	Thuốc sát trùng	ATI-3
3	Farm Fluid S	Acetic acid, Tar acid, Dodecyl benzene, Sulphonic acid	Lọ Chai Thùng	10; 20; 25; 50; 100ml 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200lít	Thuốc sát trùng	ATI-4
4	Long Life 250 S	Organic acids, Biocides, Surfactants	Lọ, chai Thùng	10; 20; 25; 50; 100; 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200lít	Thuốc sát trùng	ATI-5
5	Virkon S	Peroxygen, Surfactant, Organic acids, Inorganic buffer system	Gói Túi	5; 10; 20; 25; 50g 100; 200; 250; 500; 750g 1; 2,5; 5; 7,5; 10; 25; 50kg	Thuốc sát trùng	ATI-6
6	Hyperox	Peracetic acid, Hydrogen Peroxide	Thùng	100; 500ml, 1; 5; 20; 100; 500lít	Thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi thú y	ATI-7

2. Công ty SWC Health And Hygiene

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	SWC Maxvi-5	Glutaraldehyde	Can, thùng	5; 25; 200lít	Dùng làm thuốc sát trùng	SWC-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	SWC Broadol	Glutaraldehyde	Can, thùng	5; 25; 200 lít	Dùng làm thuốc sát trùng	SWC-02
3	SWC Maxikileen	Tar.acid	Can, thùng	5; 25; 200 lít	Dùng làm thuốc sát trùng	SWC-03

3. Công ty Anupco

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Intercept	Glutaraldehyde, Benzalkonium	Can, thùng	1; 5; 25 lít	Thuốc sát trùng	AP-17

4. Công ty Meriden Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Multicide 150 (Disinfectant)	Glutaradehyde, Dimethylcocobenzym, Ammonia chloride	Chai, can	500ml; 1 lít; 5; 25 lít	Thuốc sát trùng	MRD-01

5. Công ty Evans Vanodine

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	GPC8	Glutaradehyde, Didecyl dimethyl, Aminoum chloride, Alcohol Ethoxylate, Phosphoric acid	Lọ bình, thùng	100, 500ml 1; 2; 4; 5; 25 lít	Thuốc sát trùng	EVE-02

6. Công ty coventry Chemicals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Omnicide	Glutaradyhyde, Coco benzyl Dimethyl Ammonium chloride	Bình	5; 25; 200 lít	Sát trùng dụng cụ chăn nuôi, chuồng trại gia súc, gia cầm	CVTUK-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Omnicide FGII	Glutaraldehyde, Cocobenzyl dimethyl Ammonium chloride	Can, phuy	1, 5, 25 lít, 200 lít	Sát trùng dụng cụ, nhà xưởng	CVTUK-2

7. Công ty Quatchem Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Iodocleanse	Iodine	Chai, bình, thùng	1; 5; 25; 210l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	QC-1

8. Công ty Agil

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Credence 1000	Chlorine, Sodium dichloroisocyanurate	Viên	17, 36g	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	AGI-1

9. Công ty eco Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Ecotraz 250	Amitraz	Chai, can	100; 200ml; 1; 5; 10l	Trị ve, chấy, rận, ghẻ trên trâu, bò, dê, cừu	Nam Phi	ECO-8

10. Công ty Special Product Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Oxytoxin-10 Inj	Oxytoxin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Kích thích đẻ, trị sót nhau, kém sữa trên bò, dê, cừu, heo, lừa	SPT-9

11. Công ty Arch UK Biocides

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vantocil IB	Polyhexamethylenbi-guanide hydrochloride	Bình	1; 2; 5; 10; 25 lít	Sát trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, lò ấp, dụng cụ, phương tiện vận chuyển	AUK-1

ARGENTINA

1. Công ty Proagro S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bicheron 50 NF	Cypermethrin	Chai, can	50; 100ml; 1; 5; 10l	Diệt côn trùng ký sinh trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	PSA-2
2	Sterilon	Benzalkonium chloride	Chai, can	100ml; 1; 5; 10l	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PSA-5
3	Bicheron Pour on	Cypermethrin	Chai, can	100ml; 1; 5; 10l	Diệt côn trùng ký sinh trên trâu, bò, dê, cừu, heo	PSA-6

ẤN ĐỘ (INDIA)

1. Công ty Ranbaxy Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Qualitrol	Ortho-phenylphenol, ortho-benzyl-para amylphenol, Para-tertiary amylphenol	Lọ, chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	RBXI-4

2. Công ty Cipla Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Protektor	Fipronil	Lọ	100; 250ml	Phòng trị ve, bọ chét trên chó, mèo	CIPLA-25

3. Công ty Venkateshwara Hatcheries

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Infectious Bursal Disease vaccin, living BP	Infectious Bursal disease virus	Lọ	3; 6; 15; 30; 60; 150; 300ml (100; 200; 500; 1000; 2000; 5000; 10000 liều)	Phòng bệnh Gumboro ở gà	WHI-1
2	Avian Infectious Bronchitis Vaccine Living (Mass Strain), BP (Vet)	Virus IB	Lọ	50; 100; 250; 500ml (100; 200; 500; 1000 liều)	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà	WHI-2
3	Newcastle Disease, Avian Infectious Bronchitis and Infectious Bursal Disease Vaccine, Inactivated	Virus ND, IB, IBD vô hoạt	Lọ	50; 100; 250; 500ml (100; 200; 500; 1000 liều)	Phòng bệnh Newcastle (N0), viêm phế quản truyền nhiễm (IB) và Gumboro (IBD) trên gà	WHI-3
4	Newcastle Disease Vaccine, Living BP (Vet)	Virus ND đông khô	Lọ	100; 200; 500; 1000; 2000; 5000; 10000 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND) trên gà	WHI-4
5	Newcastle Disease vaccine, Inactivated	Virus ND vô hoạt	Lọ	100; 200; 400; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND) trên gà	WHI-5

4. Công ty B.V Bio-Corp Pvt.Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	VB-001	Didecyl dimethyl ammonium chloride; Benzalkonium chloride; Bis-n-tributylin Oxide	Chai, can	100ml; 1; 5 lít	Thuốc khử trùng cho lồng ấp và chuồng trại	BVB-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	VB-triphene	Ortho-Phenyl Phenol; Ortho-Benzyl Para-Chlorophenol; Para-Tertiary Amylphenol	Chai, can	100ml; 1; 5lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, rửa vết thương	BVB-2
3	Al-Clean	Sodium metasilicate pentahydrate, Tetrapotassium Pyrophosphate, Sodium hydroxide	Chai, can	1; 5 lít	Thuốc khử trùng cho lồng ấp, chuồng trại	BVB-3
4	VB-Aqua	Benzalkonium chloride, Citric Acid	Chai, can	1; 5 lít	Thuốc khử trùng trong lò mổ và chuồng nuôi gia súc, gia cầm	BVB-4
5	Bio-Buster	Kali monopersulphate (Kali Monopersulphate, Kali hydrogen sulphate, Kali sulphate, Natri chloride	Túi, gói	100; 500g	Thuốc sát trùng nước, lồng ấp, chuồng trại, phương tiện vận chuyển và dụng cụ chăn nuôi	BVB-5

5. Công ty Polchem Hygiene Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ammoblast	Ammonial oxidizing Biochemical System; Stabilizers; Catalysts	Túi, gói	1; 5kg	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-1
2	Aquaquat Super	Benzalkonium Chloride Solution I.P; Citric acid IP	Chai, can	1; 5; 35lít	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-2
3	Diskol ES	Strong Glutaraldenhyde solution BP; Didecyl Ammonium Chloride solution; Formaldehyde solution IP	Chai, can	100ml; 1; 5; 35lít	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
4	P 101	Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride; Benzalkonium Chloride; Bis-n-Tributylin Oxide	Chai, can	1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-4
5	V-OX	Potassium Monopersulphate Potassium Hydrogen Sulphate; Potassium Sulphate; Sodium Chloride	Chai	100g; 1kg	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-5

6. Công ty Hester Biosciences Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Gumboro I+	Infectious Bursal Disease virus, Intermediate Invasive strain $\geq 1 \times 10^{3.5}$ EID_{50}	Ống	5ml, 10ml	Phòng bệnh Gumboro trên gà	HBL-1
2	Live LAS	Newcastle Disease virus, Lasota strain $\geq 1 \times 10^{6}$ EID_{50}	Ống	2; 5; 15; 20ml	Phòng bệnh Newcastle trên gà	HBL-2
3	Inactivated IBD, ND, IB, EDS	IBD type 1; ND Lasota strain; IB Mass strain; EDS AV-76 strain	Chai	500ml	Phòng các bệnh Gumboro, Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm, hội chứng giảm đẻ trên gà	HBL-3
4	Live B_1 - M48	Newcastle disease virus, B_1 strain; Avian Infectious Bronchitis virus, Type Mild Massachusetts	Ống	5; 15ml	Phòng các bệnh Newcastle Disease, viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà	HBL-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Inactivated ND (Newcastle Disease vaccine, Inactivated B.P. vet)	ND Lasota strain: ≥ $log_2 4$ HI Units	Chai	250ml (500 liều), 500ml (1000 liều)	Phòng bệnh Newcastle trên gà	HBL-5
6	Marek's Disease Vaccine, Living B.P.VET	Marek's Disease Virus, dòng HVT FC 126	Ống	5ml, 15ml	Phòng bệnh Marek trên gà	HBL-6
7	LIVE FP (Fowl Pox Vaccine, Living B.P.vet)	Fowl Pox Disease Virus, dòng Fowl Pox	Ống	5ml, 15ml	Phòng bệnh đậu gà	HBL-7
8	Inactivated IBD, ND, EDS	IBD standard type 1 strain; ND Lasota strain; EDS AV-76 strain	Chai	250ml, 500ml	Phòng các bệnh Gumboro, Newcastle. Hội chứng giảm đẻ trên gà	HBL-8

7. Công ty Harshvardhan's Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enzotab™	Sodium Dichloroisocynurate	Ống/Viên	10 viên	Khử trùng nước uống, sát trùng chuồng trại	HLI-1

AUSTRALIA

1. Công ty troy Laboratories Pty

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sectalin	Pyrethrins, Piperonyl sutoxide	Chai	250ml, 375ml	Xà bông tắm, trị ký sinh trùng trên thú nuôi	TROY-1

2. Công ty Jurox Pty Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Juramate P	Cloprostenol	Chai	20ml	Dùng kích thích đẻ trên heo	JPL-3
2	Juramate	Cloprostenol	Chai	20ml; 50ml	Giúp lên giống, kích đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên bò, ngựa	JPL-4

BELGIUM

1. Công ty V.M.D.N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	D4+Disinfectant (VMD Disinfectant 5)	Glyoxal, Glutaraldehyde, Formaldehyde, Alkyldiumethyl benzylammonium chloride	Chai, thùng	1; 5; 10; 200 lít	Sát trùng trang thiết bị, chuồng trại	VMD-34
2	Oxytocin 10	Oxytocin	Chai	10; 30; 50; 100ml	Thúc đẻ	VMD-37
3	Cloprostenol	Cloprostenol	Chai	10; 30; 50; 100ml	Điều hòa việc lên giống gia súc	VMD-39
4	Ferridon-200	Sắt (Fe^{3+})	Chai, bình	50; 100ml; 25; 200l	Phòng và trị các bệnh do thiếu sắt	VMD-38

2. Công ty Janssen Pharmaceutica N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Clinafarm Smoke	Enilconazole	Lọ (6 lọ/hộp)	33,4g; 38,4g; 66g 5; 66g	Tiêu diệt nấm mốc gây hại ở lò ấp nở của gia súc, gia cầm	JSPB-1
2	Clinafarm Spray	Enilconazole	Chai	1 lít	Tiêu diệt nấm mốc ở lò ấp nở	JSPB-2

3. Công ty Cidline

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cid 20	Alkydimethybenzyl ammonium chloride, Glyoxal, Glutaraldehyde, Isopropano; formaldehyde	Can	1; 5; 10; 25 lít	Sát trùng chuồng trại	CID-1
2	Agrocid Super GMP	Lactic acid, Formic acid, Propionic acid, Sorbic acid, Citric acid	Can	10; 25lít	Giảm độ pH nước uống	CID-2
3	Virocid	Alkyldimethyl benzyl ammonium chloride, Didecyl-dimethyl ammonium chloride, Glutaraldehyde, Isopropanol, Pine oil	Can, thùng	5; 10; 25; 210; 1000l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ phương tiện vận chuyển	CID-3

CANADA

1. Công ty Vetech Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Immucox vaccine for chicken I	Uniformly low does of live oocysts	Lọ	15ml	Phòng bệnh cầu trùng	VTL-1
2	Immucox vaccine for chicken II	Uniformly low does of live oocysts	Lọ	15ml	Phòng bệnh cầu trùng	VTL-2

2. Công ty Glide Chem PTV.LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Povidone - Iodine (PVP Iodine)	Povidone iodine	Thùng	70kg	Dùng làm thuốc sát trùng	GCC-01

3. Công ty Dextran Product

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran 10%	Sắt (Fe)	Thùng	200 lít	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	DP-1
2	Iron Dextran 10%-B_{12}	Sắt (Fe) + Vitamin B_{12}	Thùng	200 lít	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	DP-2
3	Iron Dextran 20%	Sắt (Fe)	Thùng	200 lít	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	DP-3

IRELAND

1. Công ty Medentech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Aquatabs 150	Sodium dichloroisocyanurate	Vỉ	6 viên	Sản phẩm khử trùng nước	MDT-4
2	Aquasept F	Sodium dichloroisocyanurate	Hộp	60 viên	Sản phẩm khử trùng nước	MDT-5

SCOTLAND

1. Công ty Kilco International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Viroguard	Gluteraldehyde, Formaldehyde, Alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Thuốc sát trùng dụng cụ, phương tiện vận chuyển và chuồng trại chăn nuôi	KILCO-2
2	Ovasan	Potassium peroxomonsulphate, Sodium dichloroisocyanurate	Gói, bao	500g; 1; 5; 5; 10; 25; 50kg	Thuốc sát trùng vỏ trứng trong quá trình ấp	KILCO-3
3	Cleantray	Potassium hydroxide, Tetra potassium pyrophosphate	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Chất tẩy rửa dụng cụ và chuồng trại chăn nuôi	KILCO-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Ecofoam	Sodium hydroxide	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Chất tẩy rửa dụng cụ và chuồng trại chăn nuôi	KILCO-5
5	Virex	Potassium peroxomonsulphate, Sodium dichloroisocyanurate	Gói, bao	500g; 1; 5; 5; 10; 25; 50kg	Thuốc sát trùng dụng cụ, chuồng trại và xử lý hệ thống nước	KILCO-6

GERMANY

1. Công ty Bayer Healthcare Ag (Bayer Ag)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Solfac WP 10	Cyfluthrin	Gói, bao	4; 8; 20; 100g; 1,2; 5; 20kg	Diệt côn trùng gây hại	Germany, Spain Thái Lan	BYA-7
2	Solfac EW 050	Cyfluthrin	Chai Thùng	4; 8; 20; 100ml; 500ml; 1000ml; 3; 5lít	Diệt côn trùng gây hại	Germany, Thái Lan	BYA-8
3	Kiltix collar for dogs	Propoxur, Flumethrin	Vòng	35; 48; 66cm	Kiểm soát ve, bọ chét trên chó.	Germany	BYA-14
4	Quick Bayt	Imidacloprid	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 250g; 500g; 1; 5; 17; 40kg	Diệt ruồi	Germany, Hà Lan, Thái Lan	BYA-17
5	Delegol CD 250	Preventol CMK; 1, 2- Propandiol; Texapon N70; Salicylic acid	Lọ Chai	100, 500; 1000ml 10; 50; 100; 200; 1000lít	Thuốc sát trùng	Germany	BYA-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
6	Racumin Paste 0.0375	Coumatetralyl	Gói, bao	20; 100; 200; 500g 1; 2; 25; 50kg	Thuốc diệt chuột tại trang trại chăn nuôi	Germany, Thái Lan	BYA-20
7	Racumin PT 0.75	Coumatetralyl	Gói, bao	20; 100; 200; 500g 1; 2; 25; 50kg	Thuốc diệt chuột tại trang trại chăn nuôi	Germany, Thái Lan	BYA-21
8	Advantix spot-on	Imidacloprid, Permethrin	Tuýp	0,4; 1,0; 2,5; 4,0ml	Phòng và trị ve, bọ chét và xua đuổi muỗi, ruồi trên chó	Germany	BYA-25
9	Advocate spot-on for dogs	Imidacloprid, Moxidectin	Tuýp	0,4; 1,0; 2,5; 4,0ml	Phòng và trị bọ chét, ghẻ tai, ghẻ Sarcoptic, giun tim, giun phổi, giun đũa dạ dày ruột trên chó	Germany	BYA-26
10	Perizin	Coumaphos	Chai	10ml	Điều trị chí trên ong mật	Germany	BYA-27
11	Asuntol Soap	Coumaphos	Bánh/ hộp	75g	Diệt ngoại ký sinh trùng trên chó	India	BYA-28
12	Ovurelin	Gonadorelin (as acetate)	Chai	20; 100ml	Gây lên giống đồng pha, điều trị không lên giống và u nang buồng trứng ở bò	Newzealand	BYA-29
13	Ovuprost	Cloprostenol sodium	Chai	20; 100ml	Gây thoái hóa thể vàng trên ngựa, bò, heo	Newzealand	BYA-30

2. Công ty Basf Aktiengesellschaft

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Gonestrol Chai 25ml	Choronic gonadotrophin	Chai	25ml, 50ml	Bổ sung Choronic gonadotrophin	Spain	BASF-28
2	PVP-Iodine 30/06	Polyvinylpyrrolidone Iodine complet	Thùng	70kg	Cung cấp Iodine complet Polyvinylpyrrolidone	Mỹ	BASF-32

3. Công ty Ewabo Chemikalien Gmbh Kg

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Aldekol Des FF	Glutaraldehyde, Quaternary Ammonium chloride	Chai, can	100; 500ml; 1; 3; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển	ECG-1
2	Oxykol	Peracetic acid, Benzalkonium chloride	Túi, bao	100; 200; 500g; 1; 3; 5; 10; 25kg	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi, cơ sở chế biến, trạm ấp	ECG-2
3	Aldekol Des 03	Formaldehyde, Glutaraldehyde	Chai, can	100; 500ml; 1; 3; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng trại chăn nuôi bò, lợn, gà	ECG-3
4	Iodosan 30	Iodine	Bình, can, phuy	100; 500ml; 1; 5; 10; 25; 200l	Sát trùng chuồng trại, lò mổ, trạm ấp, phương tiện vận chuyển, dụng cụ	ECG-4

4. Công ty Boehringer Ingelheim Vet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ingelvac Circoflex	Porcine circovirus type ORF-2 vô hoạt	Chai	10ml/10 liều; 50ml/50 liều; 100ml/100 liều; 250ml/250 liều	Phòng bệnh do Circovirus type 2 gây còi cọc sau cai sữa trên heo con	BIV-1
2	Ingelvac MycoFlex	M.hyopneumoniae vô hoạt, chủng B-3745	Chai	10ml/10 liều; 50ml/50 liều; 100ml/100 liều; 250ml/250 liều	Phòng bệnh viêm phổi do Mycoplasma hyopneumoniae gây ra trên heo	BIV-2
3	Ingelvac PRRSMLV	Virus gây hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản chủng ATCC VR-2332	Chai	20ml (10 liều); 100ml (50 liều)	Phòng hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS) trên heo	BIV-3

DENMARK

1. Công ty Fef Chemicals A/S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Benzal konium chloride 50, 80%	Benzal koniumchloride	Thùng, bình	1; 2; 5; 10; 25; 200kg	Sát trùng chuồng, dụng cụ, nước, ao	FFC-1

NEITHERLAND

1. Công ty Intervet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Nobilis Duck Plague	Virus dịch tả vịt nhược độc	Lọ	250, 500, 1000 liều	Phòng bệnh dịch tả vịt	Hà Lan	IT-2
2	Nobilis Coryza	Vi khuẩn Coryza	Chai	250ml; 500ml	Phòng bệnh sưng phù đầu gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-4
3	Nobilis IB MA5	Virus IB dòng MA5 nhược độc	Lọ	500, 1000; 2500, 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-5
4	Nobilis IB+G+ND	Virus IB, G, ND	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-6
5	Nobilis Gumboro Inac	Virus Gumboro	Chai	500ml	Phòng bệnh Gumboro trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-7
6	Nobilis Gumboro 228E	Virus Gumboro	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-8
7	Nobilis ND+EDS 0.25; Nobilis ND+EDS 0.5	Virus ND, EDS	Lọ, Chai	250ml 500ml	Phòng bệnh Newcastle, hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
8	Nobilis REO 1133	Virus REO 1133	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm khớp trên gà	Hà Lan	IT-10
9	Nobilis Gumboro D78	Virus Gumboro D78 nhược độc	Lọ	200, 500; 1000; 2500, 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-11
10	Nobilis REO+IB+G+ND	Virus REO, IB, G, ND	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm khớp, viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-12
11	Nobilis IB+ND	Virus IB, ND	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-13
12	Nobilis REO inac	Virus Reo	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm khớp trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-14
13	Nobilis MG 6/85	Vi khuẩn MG nhược độc	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh do Mycoplasma trên gà	Hà Lan	IT-15
14	Nobilis Marek THV Lyo	Virus Marek	Lọ	250; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-16
15	Nobilis FC Inac	Vi khuẩn FC	Chai	500ml	Phòng Tụ huyết trùng trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-17
16	Nobilis Marek SB1 Lyo	Virus Marek	Tuýp	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-18
17	Nobilis SG 9R	Vi khuẩn SG 9R nhược độc	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Salmonella trên gà	Hà Lan	IT-19
18	Nobilis Rismavac	Virus Marek	Ống	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-20
19	Nobilis G+ND+EDS	Virus G, ND, EDS	Chai	500ml	Phòng bệnh Gumboro, Newcastle, Hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
20	Nobilis Marexine CA126	Virus Marek	Ống	1000, 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-22
21	Nobilis MA5 + Clone 30	Virus IB, ND nhược độc	Lọ	500; 1000; 2500 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-23
22	Nobilis AE + Pox	Virus AE, Pox nhược độc	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm não tủy truyền nhiễm, đậu trên gà	Hà Lan	IT-24
23	Nobilis ILT	Virus ILT nhược độc	Lọ	1000; 2500 liều	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-25
24	Nobilis MG inac	Vi khuẩn MG	Chai	500ml	Phòng bệnh do Mycoplasma trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-26
25	Nobilis IB+ND+EDS	Virus IB, ND, EDS	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle, Hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-27
26	Nobilis IB H 120	Virus IB nhược độc	Lọ	1000; 2500, 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-28
27	Nobilis G+ND	Virus G, ND	Chai	500ml	Phòng Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-29
28	Nobilis MG Antigen	Vi khuẩn MG vô hoạt	Lọ	200 test/10ml	Kháng nguyên chẩn đoán bệnh do Mycoplasma trên gà	Hà Lan	IT-30
29	Nobilis MS Antigen	Vi khuẩn MS vô hoạt	Lọ	200 test/10ml	Kháng nguyên chẩn đoán bệnh viêm khớp do Mycoplasma synoviae trên gà	Hà Lan	IT-31
30	Nobilis SP Antigen	Vi khuẩn SP vô hoạt	Lọ	200 test/10ml	Kháng nguyên chẩn đoán bệnh do Salmonella trên gà	Hà Lan	IT-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
31	Nobilis ND Hichner	Virus ND vô hoạt	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan	IT-33
32	Porcilis Aujeszky	Virus Aujeszky	Lọ	20; 100ml	Phòng bệnh Giả dại trên heo	Hà Lan	IT-34
33	Porcilis Begonia	Virus Aujeszky nhược độc	Lọ	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh Giả dại trên heo	Hà Lan	IT-35
34	Porcilis Aujeszky+Parvo	Virus Aujeszky + Parvo	Lọ	20ml	Phòng bệnh Giả dại, khô thai trên heo	Intervet Hà Lan	IT-37
35	Porcilis Parvo	Virus Parvo	Lọ	20; 50ml	Phòng bệnh khô thai trên heo	Intervet Hà Lan	IT-38
36	Porcilis Porcoli DF	Vi khuẩn Coli	Lọ	20; 50ml	Phòng bệnh tiêu chảy do E.coli trên heo con	Hà Lan	IT-39
37	Nobivac Lepto	Vi khuẩn Lepto nhược độc	Lọ	1 liều; 50 liều	Phòng bệnh Lepto trên chó	Hà Lan	IT-40
38	Nobivac DHP	Virus DHP	Lọ	1 liều; 50 liều	Phòng bệnh Care, viêm gan, khô thai trên chó	Hà Lan	IT-41
39	Nobivac Rabies	Virus dại	Lọ	1 liều; 10 liều	Phòng bệnh dại chó	Hà Lan	IT-42
40	Nobivac DHPPi	Virus DHPPi	Lọ	1 liều; 50 liều	Phòng bệnh Care, viêm gan, khô thai, phó cúm trên chó	Hà Lan	IT-43
41	Nobi-Equenza T	Virus influenza	Lọ	1 liều	Phòng bệnh uốn ván và hô hấp do virus cúm gây ra trên ngựa	Hà Lan	IT-44
42	PG 600	Serum gonadotrophin, HCG	Lọ	1 liều + 5ml nước pha; 5liều + 25ml nước pha	Kích thích heo lên giống	Hà Lan	IT-60
43	Halamid	Chloramin-T	Thùng	1; 5; 10; 25kg	Thuốc sát trùng	Hà Lan	IT-64
44	Decivac FMD DOE Monovalent	Virus FMD DOE	Lọ	20, 50; 100; 250ml	Phòng bệnh lở mồm long móng trên trâu bò, heo	Hà Lan, Ấn Độ	IT-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
45	Nobilis ND Clone 30	Virus ND nhược độc	Lọ	200, 500, 1000, 2500, 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-67
46	Nobilis Newcavac	Virus ND	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-68
47	Nobilis EDS	Virus EDS	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-69
48	Decivac FMD ALSA	Virus FMD ALSA	Lọ	20, 50, 100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng trên trâu, bò	Hà Lan, Ấn Độ	IT-71
49	Nobilis Ovo-Diptherin	Virus đậu nhược độc	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh đậu gà	Hà Lan	IT-76
50	Nobilis Coryza +ND	Vi khuẩn Coryza, virus ND	Chai	12 x 500ml	Phòng bệnh sưng phù đầu, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-77
51	Nobilis CAV P4	Virus CA	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh thiếu máu truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-78
52	Porcilis Ery+Parvo	Vi khuẩn Ery, virus parvo	Lọ	20, 50ml	Phòng đóng đấu lợn, khô thai trên heo	Hà Lan	IT-79
53	Nobilis ND Lasota	Virus ND Lasota nhược độc	Lọ	10 x 200, 500; 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Newcastle	Hà Lan, Ấn Độ	IT-80
54	Chorulon	HCG	Lọ	1500 IU & 5000 IU	Cải thiện tỷ lệ thụ thai trên trâu, bò, ngựa, chó	Hà Lan	IT-81
55	Intertocine -S	Oxytocin	Lọ	10; 25; 50ml (10 I.U/ml)	Bình phục tử cung sau sinh, giảm xuất huyết sau sinh, kích thích tiết sữa trên trâu, bò, ngựa	Hà Lan	IT-82
56	Fertagyl	Gonadorelin	Lọ	5ml	Cải thiện khả năng thụ tinh trên trâu, bò, thỏ	Hà Lan	IT-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
57	Folligon	Manitol, Serum Gonadotrophin	Lọ	1000 UI & 5000 UI/PMSG	Kích thích, cải thiện khả năng thụ tinh trên trâu bò, dê, thỏ, cừu, chó	Hà Lan	IT-85
58	Delvosteron (Covinan)	Proligestone	Lọ	20ml	Ngăn chặn lên giống trên chó, mèo	Hà Lan	IT-86
59	Nobilis ND Broiler	Virus ND	Lọ	200, 500ml	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan	IT-87
60	Nobilis IB 4/91	Virus IB 4/91 nhược độc	Lọ	500; 1000; 2000; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-88
61	Nobilis RT + IBmulti + G + ND	Virus RT, IB, G, ND	Chai	12 x 500ml	Phòng viêm mũi, viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-89
62	Nobilis IB D 1466	Virus IB, D 1466 nhược độc	Lọ	10, 500, 1000, 2500, 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-90
63	Nobilis RT Inac	Virus RT	Chai	12 x 500ml	Phòng bệnh viêm mũi truyền nhiễm trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-91
64	Nobilis Rismavac + CA 126	Virus Marek nhược độc	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek gà	Hà Lan	IT-92
65	Nobilis Marexine CA 126 + SB1	Virus Marek nhược độc	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek gà	Hà Lan	IT-93
66	Porcilis Pesti	Virus CSF	Lọ	50, 100, 250ml	Phòng bệnh dịch tả lợn	Hà Lan	IT-94
67	Porcilis M	Vi khuẩn Mycoplasma	Lọ	20, 50, 100ml	Phòng bệnh suyễn lợn	Hà Lan, Mỹ	IT-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
68	Porcilis APP	Độc tố Apx 1, 2, 3, OMP	Lọ	20, 100, 200ml	Phòng bệnh viêm phổi màng phổi lợn	Hà Lan	IT-96
69	Regumate Porcine	Altrenogest	Chai	360ml	Làm lên giống đồng loạt, tăng số heo con mỗi lứa	Pháp	IT-118
70	Solvens Oculo/Nasal	Patent Blue V	Lọ	1000 liều	Nước pha vaccine gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-122
71	Nobilis E.Coli Inac	Kháng nguyên F11, FT	Lọ	500ml	Phòng bệnh E.coli trên gà	Hà Lan	IT-123
72	Nobilis Cox ATM	Noãn nang E. acervulina, E.Tenalla, E. maxima	Lọ	100; 500ml	Phòng bệnh cầu trùng gà	Hà Lan	IT-124
73	Porcilis CSF live	Virus Hogcholera nhược độc	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	Ấn Độ, Japan	IT-126
74	Nobilis IB multi + G + ND	Virus IB, G, ND vô hoạt	Lọ	1000 liều (500ml)	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-127
75	Bovine PPD Turberculin	Mycobacterium	Lọ	2, 2ml (20 liều) 1,6ml (15 liều)	Chẩn đoán bệnh lao bò	Hà Lan, Ấn Độ	IT-128
76	Porcilis PRRS	Virus PRRS	Lọ	10, 25, 50, 100 liều	Phòng hội chứng rối loạn hô hấp, sinh sản lợn	Hà Lan, Ấn Độ	IT-129
77	Nobilis ND C_2	Virus Newcastle type B_1, dòng C_2	Lọ	1000, 2500, 10000, 25000 liều	Phòng bệnh Newcastle	Hà Lan, Ấn Độ, USA	IT-130
78	Unisolve	Sucrose, Disodium phoshate dihydrate	Lọ	Lọ 10, 20, 50, 100, 200ml	Nước pha vaccine heo	Hà Lan, Ấn Độ	IT-131

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
79	Diluvac Forte	DL-tocopherol acetate, disodium phosphate dihydrate	Lọ	Lọ 10, 20, 50, 100, 200ml	Nước pha vaccine heo	Hà Lan, Ấn Độ	IT-132
80	Prosystem BPM (Porcilis BPM)	Bordetella bronchiseptica, Pasteurella multocida type A, D và Myco. hyopneumoniae	Lọ	50; 100ml	Phòng viêm teo mũi truyền nhiễm, bệnh tụ huyết trùng và bệnh suyễn lợn	Mỹ, Hà Lan	IT-133
81	Chlorasol	Chloramine T	Bao Thùng	1kg 25kg	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi thú y	Ấn Độ	IT-134
82	Nobivac RL	Kháng nguyên virus dại dòng Pasteur RIV, Leptospira interogans: L.Caniola, L.Icterohaemorrha-giae	Lọ	1ml (1 liều)	Phòng bệnh dại, Lepto ở chó	Hà Lan	IT-135
83	Nobilis Salenvac T	S. enteritidis PT4 S. typhimurium DT 104	Lọ	10ml	Vắc xin vô hoạt phòng bệnh do Salmonella ở gà	Hà Lan	IT-136
84	Preloban	R-cloprostenol sodium; Chlorocresol	Lọ	10ml	Rối loạn chức năng sinh sản, u nang hoàng thể,…	Đức	IT-137

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
85	Porcilis® Myco silencer once	Kháng nguyên Mycoplasma hyopneumonia strain 11	Lọ (PE)	20; 50; 100ml; 200; 500ml (2ml/1 liều)	Vắc xin vô hoạt phòng bệnh viêm phổi do Mycoplasma hyopneumonia	USA	IT-139
86	Nobilis® Covac- 4	Kháng nguyên Haemophilus paragallinarum:	Lọ (PE)	500ml (0,5ml/1 liều)	Vắc xin vô hoạt phòng bệnh Coryza do H. paragallinarum	Hà Lan	IT-140
87	Nobilis Influenza H5	Kháng nguyên vi rút cúm gia cầm vô hoạt týp A, týp phụ H5N2	Chai	500ml	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà do virút cúm chủng A, phân chủng H5	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-146
88	Prosystem® 2*1*4*3 (ProSystem Trec)	- ProSystem 2*1: Kháng nguyên Rotavirut (serotype $G^{4, 5}$) và virut viêm dạ dày ruột truyền nhiễm - ProSystem 4*3: Giải độc tố vi khuẩn E.coli và Cl.perfringen (typeC)	Lọ	1 lọ đông khô + 1 lọ 20ml dung dịch (mười liều)	Phòng viêm dạ dày ruột truyền nhiễm (TGE) và tiêu chảy do Rotavirut Phòng, khống chế bệnh do E.coli (K88, K99, F41, 987P) và do Cl.perfringens type C cho lợn	USA	IT-141
89	Nobilis Diluent FD	Đường, Potassium dihydrogen, Disodium phosphate dihydrate, Sodium chloride, Phenol sulfonpyphthalein,	Lọ	200; 400ml 200; 400; 500ml	Dung dịch pha vắc xin sống đông khô	Hà Lan	IT-142

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
90	Nobilis Diluent CA	Đường, Pancreatic digest of casein, Kali dihydrogen phosphate, Phenol sulfonpyphthalein,	Lọ	200; 400; 500ml 200; 400; 500; 600; 800ml; 1; 1, 2l	Dung dịch pha vắc xin liên kết tế bào	Hà Lan	IT-143
91	Porcilis M Hyo	Mycoplasma hyopneumonia dòng 11 vô hoạt	Lọ	20ml (10 liều); 50ml (25 liều); 100ml (50 liều); 200ml (100 liều); 250ml (125 liều)	Phòng viêm phổi do M. hyopneumonia cho lợn	Hà Lan	IT-144
92	Porcilis AR-T	Giải độc tố Pasteurella multocida, Bordetella bronchiseptica vô hoạt	Lọ	20ml (10 liều); 50ml (25 liều)	Phòng bệnh viêm teo mũi truyền nhiễm trên lợn	Hà Lan	IT-145
93	Decivac Fmd Doe- Trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O_1, A_{22}, Asia1	Lọ	20ml (10 liều); 30ml (15 liều); 50ml (25 liều); 100ml (50 liều)	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	Ấn Độ	IT-148
94	Decivac Fmd doe	Kháng nguyên LMLM vô hoạt chủng O_1 Manisa	Chai	20; 50ml 100; 250; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng	Hà Lan	IT-149
95	Porcilis® Glasser	Haemophillus parasuis serotype 5 (vô hoạt)	Lọ	20ml (10 liều), 50ml (25 liều), 100ml (50 liều)	Phòng bệnh viêm phổi thể kính do Haemophillus parasuis serotype 5 gây ra trên lợn	Hà Lan	IT-150

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
96	Porcilis PCV	Porcine Circovirus type 2	Chai	20ml (10 liều); 50ml (25 liều) 100ml (50 liều); 200ml (100 liều); 500ml (250 liều)	Phòng bệnh còi cọc do Porcine Circovirus type 2 gây ra trên lợn	Hà Lan	IT-151
97	Circumvent PCV	Porcine circovirus type ORF-2 vô hoạt	Chai	100ml/50 liều; 200ml/100 liều; 500ml/250 liều	Phòng bệnh do Circovirus type 2 gây gầy còm sau cai sữa trên heo	Hà Lan	IT-152

2. Công ty Eurovet Animal Health B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxytoxin	Oxytocin acetate	Lọ	100ml	Kích thích đẻ, trị sót nhau, kém sữa, viêm vú	ERV-7
2	Synovet 600	Serium gona clotrophin, Chorionic goraclotropin	Lọ	1 liều (x 5ml dung môi)	Kích thích lên giống	ERV-21

3. Công ty Polymix B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Disinfectant (thuốc sát trùng)	Isopropanol, Glutaradehyde, Formaldehyde, Dedeccyldimethylamonium chloride, Fatalcoholpolyglycolether	Chai, thùng	100ml; 5 lít	Thuốc sát trùng	PLM-10

4. Công ty Dutchfarm Veterinary Pharmaceuticals B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran 10%	Iron Dextran, Complex	Chai	50; 100ml	Bổ sung sắt cho gia súc non	DUTCH-1
2	Iron Dextran 20%	Iron Dextran, Complex	Chai	50; 100ml	Bổ sung sắt cho gia súc non	DUTCH-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Oxytocin 10 I.U/ml Inj	Oxytocin	Chai	10; 50ml	Thúc đẻ, điều trị bệnh sa tử cung bằng tay; trị mất sữa ở ngựa cái, bò cái, lợn cái, cừu, dê, chó, mèo	DUTCH-16

5. Công ty Alfasan Internation B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Corpuline	Gonadotrophin, Oestradiol	Lọ	10ml	Kích thích lên giống, chậm lên giống, không lên giống	AFSI-7

6. Công ty Pantex Holland B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Protectall FF	Glutaraldehyde, Didecyldimethyl ammonium chloride, Benzyl-(C12-C16) alkyldimethyl -ammonium chloride	Bình, can	1; 5; 25; 200L	Khử trùng, sát khuẩn bề mặt chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, lò mổ	PH-8

7. Công ty Intercheme Werken "De Adelaar" B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxytoxin -10	Oxytoxin (Synthetic)	Chai	50ml	Trị sót nhau, thúc đẩy co bóp tử cung trên bò, ngựa, dê, cừu, lợn	ICW-74

(Xem tiếp Công báo số 387 + 388)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng